TRUYỆN TRANH SONG NGỮ VIỆT ANH

WALT DISNEY'S

Donald và bạn hữu

Tập 60

Liều thuốc chết giả

© Disney Enterprises, Inc.,
The Saigon Times hợp tác xuất bản
với Nhà Xuất bản Trẻ
Theo hợp đồng li-xăng của Walt Disney
dành cho Saigon Times

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
SaigonTimesGroup
THE SAIGON TIMES

https://tieulun.hopto.org

VỊT DONALD

Tai nạn vì trượt tuyết

Người dịch : ĐÔNG QUỲNH

1. Rừừ! Sao mấy đứa có thể ở ngoài đây vậy hả? Thời tiết này người hay vịt cũng chịu hổng nổi!
2. Ối!
3. PHỊCH!
4. Mình biết rõ chỗ mình muốn ở bữa nay!
5. VUỤỤỤT!
6. **Và, sau rốt...**
7. Ngay đây! Và không gì có thể bắt mình ra ngoài nữa!
8. RAAAC!
9. **CHẾT CHA!** Mình quên mất tiêu cuộc hẹn đi trượt tuyết với Daisy bữa nay!
10. Mình hổng muốn kết thúc cuộc đời thành vịt đông lạnh đâu! Mình phải mau mau làm một cái gì đó mới được!
11. Hê, Donald! Anh quên cuộc hẹn của tụi mình rồi, phải không?
12. Anh à? Quên hẹn sao? Ha ha! Đương nhiên là không rồi! Nhưng tốt hơn em vô đây đi — anh phải nói em nghe chuyện này!
13. CỘP! CỘP!
14. Trời ơi! Cái quái gì xảy ra với anh vậy, Donald!
15. Anh... ơ... sáng nay bị vấp té khi đang dợt trượt tuyết!

1. Brr! How can you boys stand being out here? This weather isn't fit for man or duck!
2. Ow!
3. WHAP!
4. I know exactly where I want to spend my day!
5. WHOOSH!
6. And, eventually —
7. Right here! And nothing can make make me go outside again!
8. CRACKLE!
9. YIPE! I forgot all about my skiing date with Daisy today!
10. I don't want to end up a deepfrozen duck! I've got to do something quick!
11. Hey, Donald! You didn't forget our date, did you?
12. Me? Forget a date? Ha ha! Of course not! But you'd better come in — there's something I have to tell you!
13. KNOCK! KNOCK!
14. Oh dear! What on earth happened to you, Donald?
15. I... er... stumbled this morning when I was practicing my skiing!

(Xem tiếp bìa sau)

https://tieulun.hopto.org

VỊT DONALD

Ngày sinh nhật lạ thường

Người dịch : TRƯỜNG HẢI

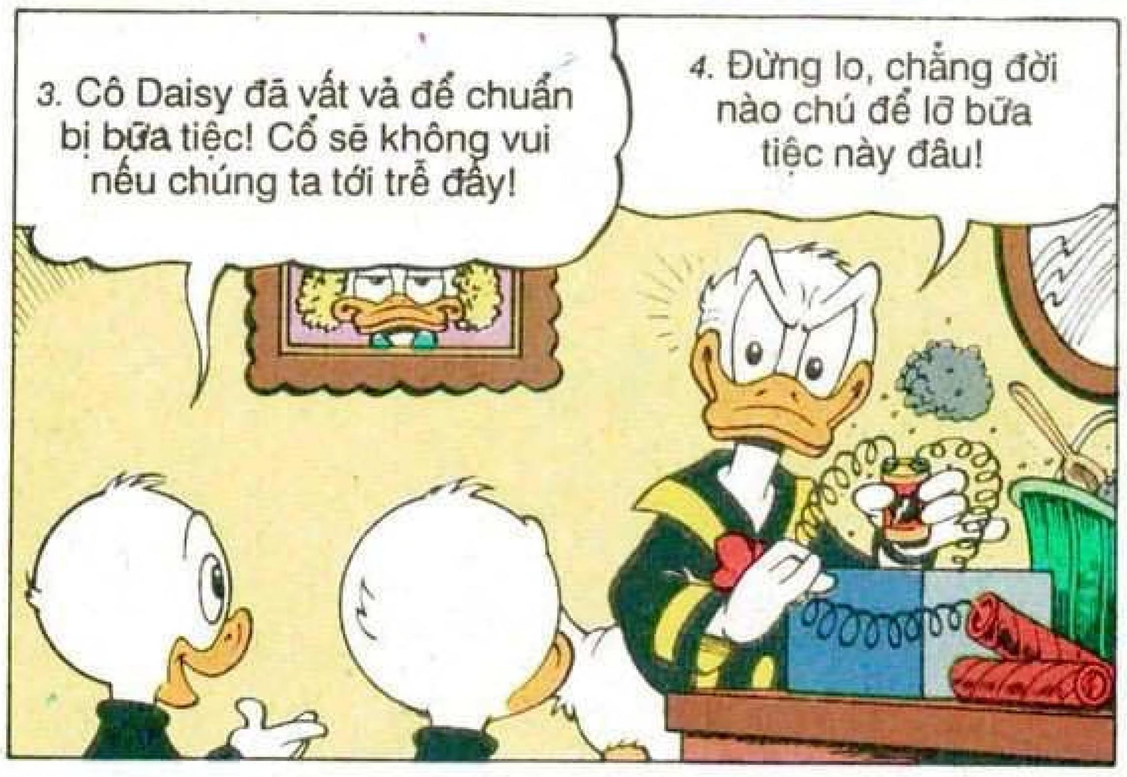

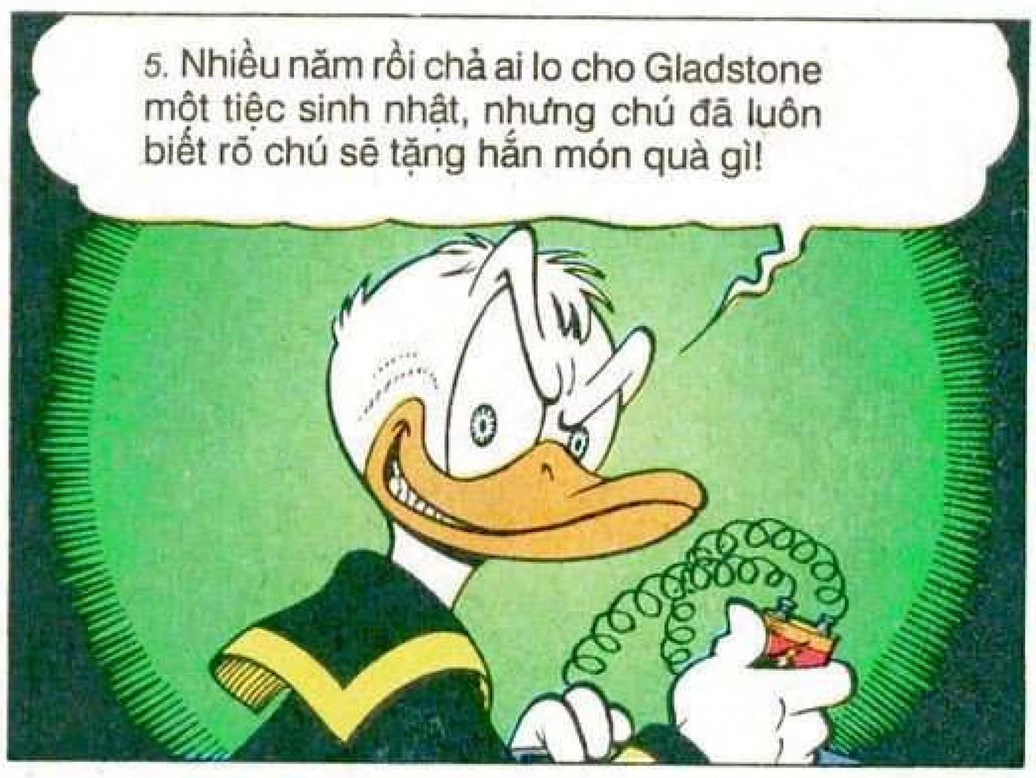

1. Unca Donald, are you ready to go out to Grandma's farm for Gladstone's birthday party?
2. Bwah-ha-ha-haaa! Almost, my innocent little cherubs! Almost!
3. Aunt Daisy has worked hard to arrange the party! She'd be unhappy if we were late!
4. Don't worry! I wouldn't miss it for the world!
5. No one has tried to give Gladstone a birthday party for years, but I've always known what I'd give him for a gift!
6. When he opens this booby-trapped box, even his disgusting luck won't save him from this firecracker going off and covering him head to toe with chimney soot!
7. For shame, Unca Donald! What a dirty trick!
8. "Dirty" is the operative word, all right! Go answer the door and leave me alone — this is the tricky part!
9. DING DONG

https://tieulun.hopto.org

10. Ồ, xin chào, cô Daisy!

11. Chào các cháu, Donald đâu rồi? Cô muốn chú ấy cùng đi với cô tới nhà Gladstone để tháp tùng ổng đến dự bữa tiệc của ổng!

12. BÙM!

13. Cái gì đó?!

14. Chú Donald, chú có thể đi đâu đó với cô Daisy không?

15. Hẳn rồi! Hãy cho chú vài giây để tỉnh táo lại một chút!

16. ?

17. Nhưng Donald và Daisy đâu biết trong nhà Gladstone đang diễn ra một việc khác thường...

18.

GLADSTONE GANDER

19.

THÙNG ĐỰNG GIẢI THƯỞNG

20. Tới nay mọi việc đều ổn! Nếu mình cứ giữ được như vầy suốt ngày, mình có thể thoát nạn!

21. Mình biết rằng cơ may duy nhất để qua khỏi một ngày sinh nhật mà không bị lâm vào thảm họa là phải nằm thẳng cẳng trên sàn nhà, ngay chính giữa một căn phòng trống rỗng, và không được nhúc nhích!

22. Nhất là mình phải tránh bữa tiệc sinh nhật mà Daisy đã sắp xếp! Nếu mình đi dự, mọi người sẽ biết được nỗi nhục nhã của đời mình... đó là ngày sinh nhật chính là ngày độc nhất trong năm...

23. ...mà mình bị ám bởi vận xui!

24. Hừ! Bất luận đó là ai, mình cũng không dám mở cửa!

CỘP! CỘP!

25.

26. Nhưng... nhưng có lẽ mình có thể liều nhìn lén một cái!

10. Oh, hello, Aunt Daïsy!
11. Hello, boys! Where's Donald? I want him to go with me to Gladstone's house so we can escort him to his party!
12. FOOM!
13. What was that?!
14. Unca Donald? Can you go somewhere with Aunt Daisy?
15. Sure! Just give me a second or two to freshen up a tad!
16. ?
17. But unknown to Donald and Daisy, there's something rather unusual going on inside Gladstone's house —
18. GLADSTONE GANDER
19. SWEEPSTAKES AWARD BIN
20. So far, so good! If I stay like this all day, I might just survice.
21. I figure my only chance to get through another birthday without risking disaster is to lay flat on the floor in the middle of an empty room and not move a muscle!
22. Above all, I must avoid that birthday party Daisy has planned! If I go, everyone might learn of the shame of my life... that my birthdays are the one day in the year...
23. ...when I'm cursed with >shudder< bad luck!
24. >Ack!< Whoever that is, I dare not open the door!
25. KNOCK! KNOCK!
26. But... but maybe I can risk a cautious peek!

https://tieulun.hopto.org

27. Lạ thật! Gladstone không có ở nhà!

28. Anh chẳng ngạc nhiên! Đó là lý do vì sao chưa hề có ai sắp xếp cho hắn một bữa tiệc sinh nhật — hắn biến mất tiêu vào đúng ngày này hàng năm!

29. Biến mất? Chuyện này đã tiếp diễn bao lâu rồi vậy?

30. Từ hồi tụi anh còn nhỏ! Nhưng anh không thể nhớ nổi chính xác là nó bắt đầu từ lúc nào!

31. Tôi thì nhớ! Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được cái ngày hôm ấy!

32. Những ngày sinh nhật xui xẻo của tôi khởi sự từ nhiều năm trước tại trang trại của bà! Tụi tôi luôn luôn đến đó để ăn mừng bởi vì ngày đó cũng là ngày sinh nhật của mẹ tôi!

33. Bố nó à, ta muốn tuyên bố rằng ta chưa hết kinh ngạc về việc Gladstone, con trai của Daphne, được sinh ra vào đúng ngày sinh nhật của Daphne!

34. Kìa, má, má biết là vận may của Daphne luôn luôn vượt trội mà!

35. SINH NHẬT VUI VẺ!!!

36. Và thằng nhóc Gladstone đã thừa hưởng tất cả vận may không thể tin nổi của Daphne!

37. Gladdy, hãy chạy đi vui chơi với Donny đi nào!

38. Vâng, thưa mẹ!

39. Ờ... con có chắc đó là một ý kiến hay khi trộn lẫn vận may khốn chịu được của Gladstone với tính khí không kiểm soát được của Donald?

40. Đừng lo! Chúng đâu còn bé bỏng gì nữa!

41. Nè, con sẽ hổng ngạc nhiên chút nào khi thấy chúng lớn lên trở thành những người bạn thân thiết nhất!

42. À... đĩ nhiên là con nói đúng!

SINH NHẬT!!!

43.

44. Hãy chờ xem những món đồ chơi mới tuyệt vời của tớ, Donny!

45. Thì sao nào! Ai cũng có quà tặng ngày sinh nhật mà!

46. Không, tớ đang nói đến những món đồ chơi chất đầy một xe tải mà tớ trúng thưởng ngày hôm qua? Thấy không? Còn mẹ tớ trúng thưởng được chiếc xe tải hồi sáng nay!

47. Gừừ...

27. *That's odd! Gladstone isn't home!*
28. *I'm not surprised! It's why nobody's ever managed to give him a birthday party — he disappears every year on this day!*
29. *Disappears? How long has that been going on?*
30. *Ever since we were kids! I can't recall exactly when it started, though!*
31. *I can! I'll never forget that day!*
32. *My bad-luck birthdays began many years ago on Grandma's farm! We always went there to celebrate because it was my mother's birthday, too!*
33. *I do declare, pa — I'll never get over Daphne's boy Gladstone being born on her own birthday!*
34. *Why, maw, you know that Daphne's luck always beats the odds!*
35. *HAPPY BIRTHDAY!!!*
36. *And little Gladstone inherited every bit of her unbelievable luck!*
37. *Gladdy, run off and play with Donny!*
38. *Yes, mother!*
39. *Er... are you sure it's a good idea to mix Gladstone's insufferable luck and Donald's uncontrollable temper?*
40. *Don't worry! They're not babies anymore!*
41. *Why, it wouldn't surprise me to see them grow up to be the best of friends!*
42. *Ah... you're right, of course!*
43. *BIRTHDAY!!!*
44. *Wait till you see all my wonderful new toys, Donny!*
45. *Big deal! Everybody gets birthday presents!*
46. *No, I'm talking about the truckload of toys I won in a sweepstakes yesterday! See? My mother won the truck this morning!*
47. *Grrrr...*

https://tieulun.hopto.org

48. Mình đi tới đằng sau nhà kho đi, Gladdy! Tớ có một món bất ngờ ngày sinh nhật dành cho cậu!

49. Được thôi, người anh em Donny!

50. Là là lá là la la... chào mừng sinh nhật của... tui!

51. Nào — bất ngờ gì nào?

52. Nè!

53. ?

54. PHẬP!

55. Điều bất ngờ là mày bị treo lơ lửng trong khi tao ném trứng thối vào mày!

56. Ôi! Cậu chỉ phí thời giờ thôi, người anh em! Cậu biết là vụ này không làm được đâu!

57. Sợi dây sẽ đứt, hoặc cậu sẽ bị trượt vỏ chuối! Vận may của tớ luôn giúp tớ thoát khỏi mọi thiệt hại!

58. Thế à? Nào, vận may đó có vẻ bị trục trặc rồi!

59. Hừm... mày nói đúng! Có điều gì đó bất thường trong vụ này!

60. Ngoài ra, sợi dây thừng này được gia cố bằng dây kẽm và chẳng có cái vỏ chuối nào quanh đây cả! Ha ha ha ha ha!

61. Dường như một cơn giông đang kéo đến, má à! Chúng ta nên dời bữa tiệc này vô trong nhà!

62. Khoan! Lũ nhóc đâu rồi?

63. ẦM ẦM

64. BUH-RUMMMM

65. XIIII!

48. Let's go behind the barn, Gladdy! I have a birthday surprise for you!
49. Okay, Cousin Donny!
50. La la la la la la la la... Happy birthday to me!
51. So — what's the surprise?
52. This!
53. ?
54. SNAG!
55. The surprise is you hanging helpless while I pelt you with rotten eggs!
56. >Sigh!< You're wasting your time, cousin! You know this can't work!
57. This rope will break... or you'll slip on a banana peel! My luck always saves me from harm!
58. Yeah? Well, it seems to be on the fritz!
59. Hm... you're right! Something is odd about this!
60. Besides, this rope is reinforced with wire and there's not a banana peel in sight! Ha ha ha ha ha!
61. Looks like a storm is a brewin', ma! We'd better move this party indoors!
62. Wait! Where are the kids?
63. BUH-RUMMMM
64. CRACK!
65. ZZZZZZZT!

https://tieulun.hopto.org

66. A ha! Bây giờ thì tớ đã hiểu! Thật may là cậu đã kéo tớ lên không trung! Nếu như tớ ở dưới đất thì tớ đã bị điện giật bởi cú sét đó!

67. Cám ơn, người anh em Donald!

68. Ự!

69. XÌ

70. XÌ

71. XÌ

72. ...nhưng đó là điều may mắn cuối cùng đến với tôi vào ngày sinh nhật!

73. Từ lúc đó trở đi, các ngày sinh nhật của tôi đều đã bị cột chặt với một vận rủi lạ lùng!

74. RẮC!

75. Vô ích! Ảnh không có ở nhà!

76. Ủa? Cái gì vậy?

77. RẦM!

78. Kìa, hình như một khung cửa sổ đã đóng sập xuống... **Gladstone?!?**

79. Đừng có ngốc thế! Các loại vận rủi đó chẳng bao giờ có thể xảy đến với hắn cả đâu!

80. Ha ha, anh nói đúng! Nè, có thể Gladstone đã đi ra ngoài một lát! Chút nữa tụi mình sẽ thử lại!

81. Đồng ý!

82. Ối!

83. Chết tiệt! Họ sẽ quay lại! Và khi họ quay lại, số xui của mình sẽ làm cho mình bị lộ diện ngay thôi!

84. Rời khỏi nhà là điều mạo hiểm, nhưng nếu mình không muốn vận rủi tồi tệ của mình bị phát hiện thì mình cần phải tránh bữa tiệc đó càng xa càng tốt!

66. Aha! Now I understand! It was lucky you hoisted me into the air! If I'd been grounded, that lightning might have shocked me!
67. Thank you, Cousin Donald!
68. Mf!
69. ZZT
70. BZT
71. ZZT
72. ...but that was the last lucky thing that ever happened to me on a birthday!

73. From that moment on, my birthdays have been packed solid with one bit of extraordinarily bad luck after anoth —
74. CREEEAK!
75. It's no use! He's not home!
76. Huh? What was that?
77. SLAM!
78. Why, it looks like a window slammed shut on... Gladstone?!?
79. Don't be silly! That sort of bad luck could never happen to him!

80. Hah ha, you're right! Well, maybe Gladstone stepped out for a moment! We'll try again later!
81. Okay!
82. Ouch!
83. Drat! They'll come back! And when they do, my bad luck will expose me like it almost did just then!
84. It's risky to leave home, but if I don't want my disgraceful bad luck discovered, I need to get as far away from that party as possible!

https://tieulun.hopto.org

85. Đúng hơn, mình sẽ rời khỏi Duckburg cho tới sáng mai, lúc vận may của mình trở lại!
86. TAXI!
87. Quay mũi xe ra ngoài thành phố và nhấn ga đi!
88. Được rồi, ông bạn!
89. Trang trại của bà thì ở phía nam thành phố!
90. Tài xế — rẽ về hướng bắc!
91. Xong ngay, sếp!
92. SOUTH 101
93. VÈO
94. Ồ... ồ! Có chuyện gì đó không bình thường!
95. Ôi! Tôi dám cá đây là chuyện mà mỗi năm tôi gặp một lần! Một thảm họa chăng?
96. Không, chỉ là một cái xe tải cũ kỹ bị sút cái móc ra!
97. Ồ, không! **Quẹo đi! Quẹo đi!**
98. LENG KENG
99. CỐP!
100. **Tôi biết mà!** Cái móc đã móc vô trục xe của chúng ta!
101. Này! Này, anh! **Dừng lại!!!**
102. TAXI
103. BIN BIN
104. Ôi! Chúng ta đang bị lôi về phía nam bởi cái móc bị sút của một chiếc xe cẩu đã bị bể kiếng chiếu hậu do một gã đang mở lớn nhạc ô-pê-ra của Wagner lái!
105. NAM 101
106. Tôi muốn nói, có mấy khi xảy ra chuyện đó được nhỉ?
107. Ồ, im đi! Tôi chuồn đây!
108. A ha — đây là một bãi đậu xe tải! Mình sẽ xin đi quá giang ra khỏi thành phố với một tài xế xe tải đường dài!
109. ĐỒ ĂN
110. Hẳn rồi, tôi sẽ cho anh quá giang! Tôi sắp đi về hướng bắc...
111. **Cực kỳ!**

85. In fact, I'll leave Duckburg altogether until tomorrow when my good luck returns!
86. TAXI!
87. Point this cab outta town and step on the gas!
88. You got it, sport!
89. Grandma's farm is south of town!
90. Driver — turn north here!
91. Sure thing, ace!
92. SOUTH 101
93. VAROOOM
94. Wuh-oh! Here comes something ya' don't see every day!
95. >Gulp!< I bet it's something I see once each year! A catastrophe?
96. Nah, just an old tow truck with it's hook swinging loose!
97. Oh, no! Swerve! Swerve!
98. KLINK KLINK
99. CLANG
100. I knew it! The hook snagged our axle!
101. Hey! Hey, you! Stop!!!
102. TAXI
103. HONK HOOONK
104. Wow! We're being dragged south by the loose chain of a tow truck with a broken rear view mirror driven by a guy who's playing a Wagner opera really loud!
105. SOUTH 101
106. I mean, what are the odds of that?
107. Oh, shut up! I'm bailing out!
108. Aha — here's a truck stop! I'll hitch a ride out of town with a long-distance trucker!
109. EATS
110. Sure, I'll give you a lift! I'm heading due north...
111. Perfect!

https://tieulun.hopto.org

112. ...ngay sau khi tôi giao xong cái bánh sinh nhật này cho một trang trại ở phía nam! Nhảy lên xe đi!

113. Tôi nghĩ là không!

114. Chúc mừng sinh nhật Gladstone

115. TIỆM BÁNH BYRON

116. Xe lửa! Ý này hay hơn đó! Một lộ trình nhanh hơn và thẳng hơn để đi khỏi đây!

117. XE LỬA CALISOTA

118. Mình có thể thấy là có nhiều hành khách khác! Vận rủi của mình không thể tác động đến chuyến đi của họ, do đó chiếc xe lửa này sẽ giữ vững lộ trình cho dù mình có bị trượt vỏ chuối!

119. Cho tôi một vé tới cuối tuyến đường và chỉ đường tôi đến toa phòng khách!

120. Lối kia, thưa ngài — song tôi e là rất đông đúc!

121. Tôi lại thích thế cơ, **bữa nay!**

122. Phải, đối với mình có đông người vẫn yên tâm hơn, ít nhất là để đưa mình an toàn ra khỏi Duckburg! Mình sẽ tìm một cái ghế êm ấm để trở nên bất động một cách bảo đảm ở trong đó!

123. Aaa... KHÒ

124. Nào, mọi người! Đã đến giờ bữa tiệc đứng của "Câu lạc bộ bia và mồi"! Tôi đề nghị chúng ta dời sang toa ăn uống để ăn uống miễn phí!

125. HOAN HÔ!

126. HOAN HÔ!

127. Hic!

128. KHÒ

129. Ai tán thành hãy nói "ừa"!

130. Hic!

131. Đề nghị được duyệt!

132. KHÒ

133. KHÒ — ?!?

134. Cái gì...? Đột nhiên mình hoàn toàn trơ trọi trong phòng khách! Mình không thích cái vẻ...

135. KENG!

112. ...just as soon as I deliver this birthday cake to a farmhouse just south of here! Hop in!
113. I think not!
114. Happy Birthday Gladstone
115. BYRON'S BAKERY
116. A train! That's a better idea! A faster and straighter route away from here!
117. CALISOTA RAILROAD
118. I can see that there are lots of other passengers! My bad luck can't affect their travel, so this train will stay on route even if I slip on a banana peel!

119. Give me a ticket to the end of the line and point me to the lounge car!
120. It's that way, sir — but I fear it's crowded!
121. That's just the way I like it — today!
122. Yes, there's safety-in-numbers for me, at least for getting me safely out of Duckburg! I'll find a comfy chair in which to become securely immobile!
123. Ahh... ZZZZZ
124. Hi-ho, everybody! Time for the "Ale and Quail Club" buffet lunch! I move we adjourn to the dining car for free food!

125. HUZZAH!
126. BRAVO!
127. >Hic!<
128. Z
129. All in favor say "aye"!
130. >Hic!<
131. Motion carried!
132. Z
133. ZZZZZ — ?!?
134. What the —? Suddenly I'm completely alone in the lounge car! I don't like the looks of —
135. CLANK!

https://tieulun.hopto.org

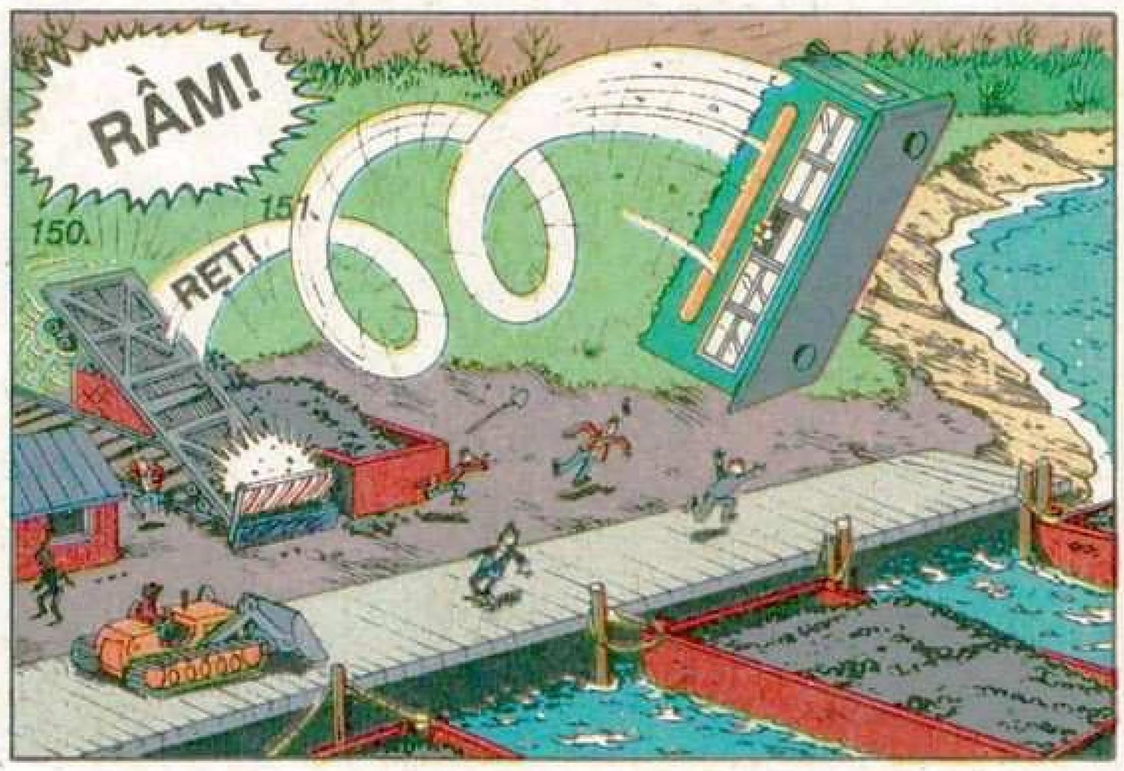

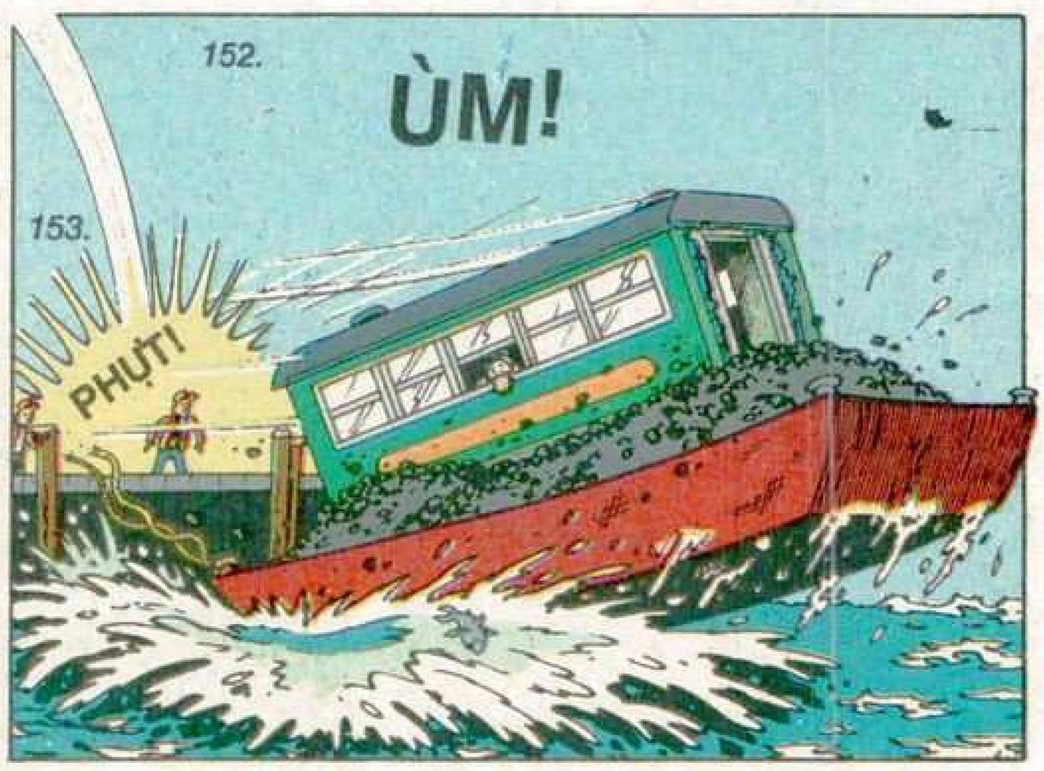

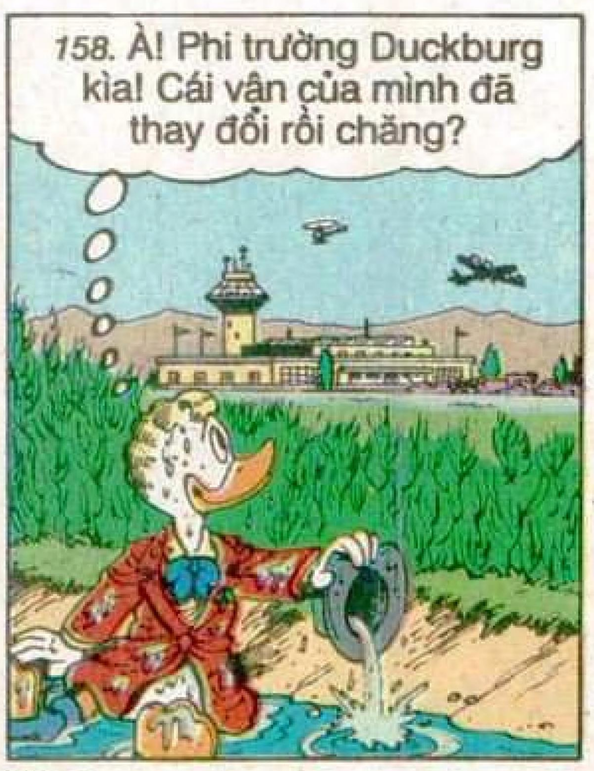

136. The coupling broke just as our last member crossed over!
137. Wow! What are the odds of that?!
138. >Hic!<
139. Oh, shut up!
140. Oh, woe! This is the final car on the train! My bad luck has singled me out for rerouting!
141. CALISOTA RAILROAD
142. Hey, stop! You can't go that way! I just threw the switch for the southbound coal train!

143. That poor guy! That's what they did to us last time!
144. >Sob!<
145. CALISOTA RAILROAD
146. What's that coming?!
147. Yikes! It's a lounger running wild!
148. Would you please talk sense!
149. Clear the track!
150. CRASH!
151. RIIIP!
152. SPLOSH!

153. SNAP!
154. Holy cow! That lounge car tore off it's undercarriage, did a triple-somersault onto that barge, and broke the mooring lines!
155. Wow! What are the odds of that?
156. Oh, shut up!
157. >Mooaaan!< This river will carry me right past Grandma's farm! I must abandon ship!
158. Hey! There's the Duckburg Airport! Has my luck changed?

https://tieulun.hopto.org

159. Chuyến bay kế tiếp à? Bay thẳng đến Nome, bang Alaska!

160. Tuyệt vời!

161. ?

162. Yên chí lớn rồi! Có nhiều hành khách khác trên máy bay và cái vận rủi của mình chẳng thể làm điều gì để có thể tách riêng mình ra khỏi bọn họ!

163. Z

164. Z

165. Z

166. HÃNG HÀNG KHÔNG DUCKBURG

167. VÈO!

168. Mình có thể vẹo mỏ vì món thịt gà dai nhách trên máy bay nhưng cái vận của mình sẽ không thể bắt tất cả những người này đi ngược lại với đích đến của họ!

169. À! Mình có thể nghe được diễn tiến trên kênh của buồng lái từ bộ ống nghe này!

170. Chúng ta vượt kế hoạch, rời Calisota ở độ cao 15.000 bộ!

171. Đúng vậy, chúng ta đang thực hiện xuất sắc chuyến bay! Các điều kiện bay thật là lý tưởng!

172. Ấy, coi kìa! Đốm sáng trên màn hình ra-đa kia là cái gì vậy?

173. Hơ... chắc là một thiên thạch nhỏ!

174. KIẾM NHIỀU TIỀN

175. $

176. Có lẽ anh đúng! Có nên đổi hướng bay không?

177. Đừng có ngớ ngẩn! Nó không thể nào đụng nhằm chúng ta được!

178. Tôi muốn nói, mấy khi xảy ra chuyện đó nhỉ?

179. Ồ >**hu hu!**< im... đi...

180. RẦM!

181. VÚT!

159. *The next plane? Non-stop to Nome, Alaska!*
160. *Perfect!*
161. *?*
162. *This is foolproof! There are lots of other passengers on this plane, and there's nothing my bad luck can do that can single me out from all of them!*
163. *Z*
164. *Z*
165. *Z*
166. *DUCKBURG AIRLINES*
167. *VROOOM*
168. *I might bend my beak on tough airline chicken, but my luck won't detour all these people from their intended destination!*
169. *Say! I can listen to our progress on the cockpit channel on these headphones!*
170. *We're ahead of schedule, leaving Calisota at 15,000 feet!*
171. *Yes, we're making excellent time! Flying conditions are ideal!*
172. *Hey, look! What's that tiny blip in the radar scope?*
173. *Hm... must be a small meteorite!*
174. *MAKE BIG MONEY*
175. *$*
176. *I guess you're right! Any reason to change course?*
177. *Don't be silly! It can't possibly hit us!*
178. *I mean, what are the odds of that?!*
179. *Oh >sob!<... shut... up...*
180. *CRASH!*
181. *SUCK!*

https://tieulun.hopto.org

182. Ôi! Thiên thạch nhỏ đó đã đụng vào chúng ta — ngay chỗ một hành khách ngồi!

183. Trời ơi! Ông ấy có >ôi!< ông ấy có...

184. Có! Ông trả tiền rồi!

185. Phào! Đỡ quá!

186. BỤP!

187. Gì vậy? Lạ lùng quá! Mình thoát chết nhờ một khí cầu khí tượng! Điều đó chẳng là... may mắn sao?

188. Ồ! Không, đó không phải may mắn nếu như chiếc khí cầu này được định hướng đáp xuống trang trại của Vịt bà!

189. Bây giờ mình chẳng thể làm gì được,đành chờ vậy!

190. Trong lúc đó Daisy và Donald đã từ bỏ cuộc tìm kiếm đối tượng của tiệc sinh nhật...

191. Trời đất! Bộ các cháu không đưa Gladstone đến sao?

192. Như mọi khi, không thể nào kiếm được ảnh vào ngày sinh nhật của ảnh! Ảnh sẽ lỡ bữa tiệc mất!

193. Cháu là người xin chịu thua!

194. Vì sao ảnh phải trốn vậy? Hay là ảnh nghĩ chúng ta không thực tình muốn làm sinh nhật cho ảnh?

195. Bà hy vọng nó không nghĩ rằng có ai đó lại đi chấp nê cái vận may của nó!

MỪNG SINH NHẬT GLADSTONE!

196. Cháu đó! **Cháu đó!**

198. Rốt cục, ai trong chúng ta có thể nói mình thực sự không ưa Gladstone tội nghiệp nào?

199. Cháu-cháu-cháu-cháu!

200. Chúc mừng sinh nhật Gladstone!

Ở một nơi khác...

201.

202. Hừm... sự mất mát đột ngột khả năng trôi nổi của mình như vầy thì chỉ có nghĩa là điều mình sợ hãi nhất đang ở ngay bên dưới!

203. PHỤT!

204. RẸT!

182. Awk! That little meteorite did hit us — right where a passenger was seated!
183. Omigosh! Did he — >gulp!< — did he...
184. Yes! He paid cash!
185. >Whew!< What a relief!
186. PLOP!
187. What? That's odd! I was saved by a weather balloon! Isn't that... good luck?
188. Oh! No, it's not good luck if this balloon is destined to land on Grandma Duck's farm!
189. Not that I can do anything about it now except wait!
190. Meanwhile Daisy and Donald have given up locating the birthday boy —
191. Land sakes! Didn't you bring Gladstone?
192. As usual, there's no finding him on his birthday! He'll miss his party!
193. I, for one, am crushed!
194. Why is he hiding? Does he think we don't really want to give him a party?
195. I hope he doesn't think that anyone could hold his good luck against him!
196. I do! I do!
197. HAPPY BIRTHDAY GLADSTONE!
198. After all, who among us can say he actually dislikes poor Gladstone?
199. Mememememememe!
200. Happy birthday Gladstone
201. Elsewhere —
202. Hm... this sudden total failure of my buoyancy capabilities can only mean that what I fear most is directly below me!
203. WHOOSH!
204. RIP!

https://tieulun.hopto.org

205. Ồ, Donald! Anh đang trêu chọc chúng tôi! Anh đâu có thực sự ghét Gladstone, phải không?

206. Để anh trình bày như vầy...

207.

208. BỊCH!

209. GLADSTONE!!!

210. ...liệu anh có thể có lý do nào hổng ưa Gladstone chớ?

211. Nào, bí mật của tôi bị lộ rồi! Tất cả các ngươi sẽ biết rõ sự thật ngay khi điều khủng khiếp kế tiếp xảy đến với tôi!

212. Mày đang làm nhảm cái quái gì thế hả?

213. Không phải lúc nào tôi cũng may mắn! Vào ngày sinh nhật của tôi, tôi có lẽ là kẻ xui xẻo nhất ở Duckburg này!

214. Vậy ư? Hô hô! Hãy kể tụi tui nghe đầy đủ tình tiết ly kỳ đi nào!

215. Có lẽ sự việc bắt đầu từ lúc cú sét đánh trúng nhà kho trong ngày sinh nhật của tôi nhiều năm trước đây!

216. Ồ! Không sao! Khỏi nhắc nhở tôi!

217. Cháu trở nên xui xẻo lúc cháu đứng gần mặt tiền nhà kho khi nó bị sét đánh ư?! Không thể có chuyện đó!

218. Không, thực ra tụi cháu đang ở quanh quẩn phía sau nhà kho!

219. Thế là đã rõ! Chuyện gì đó xảy ra với cháu là có liên quan đến mãi tận lúc mẹ cháu được sanh ra, Gladstone à!

220. Ủa?

221. **"Ba nó mướn một người thợ sơn dạo và đang xem anh ta sơn những nét cuối cùng lên cái nhà kho mới..."**

222. Cái hình mẫu đẹp đẽ mà anh sơn kia là gì thế? Tôi đã trông thấy chúng ở những nhà kho khác nhưng...

205. Oh, Donald! You're kidding us! You don't really dislike Gladstone, do you?
206. I'll put it this way...
207. Happy Birthday Gladstone!
208. SPLAT
209. GLADSTONE!!!
210. ...what possible reason could I have to dislike Gladstone?
211. Well, my secret is out! You'll all know the truth as soon as the next awful thing befalls me!
212. What the Sam Hill are you yammering about?
213. I am not lucky all the time! On my birthdays, I am probably the unluckiest guy in Duckburg!
214. You are? Hoo hoo! Tell us all the gory details!
215. It seems to have started that time lightning struck the barn on my birthday years ago!
216. >Oog!< Never mind! Don't remind me!
217. You became unlucky when you stood near the front of the barn when lightning struck it?! Impossible!
218. Well, no, actually we were around back!
219. That explains it! Something happened to you that links all the way back to when your mother was born, Gladstone!
220. Huh?
221. "Pa had hired a traveling painter and was watching him put the finishing touches on our new barn —"
222. What's that fancy pattern you're a' paintin'? I've seen those on other barns, but...

https://tieulun.hopto.org

223. Không tính tiền thêm đâu, ông bạn! Đó là món quà tôi tặng cho cháu bé mà vợ anh sắp sanh! Nó được gọi là bảng hiệu xui xẻo!

224. Cái gì? **Xui xẻo?!**

225. Đừng có lo — các bảng hiệu xui xẻo luôn luôn có tác dụng tốt! Bảng này là một "Tam dã điểu" tượng trưng cho ba vận hên, được kết hợp với ký hiệu những điều cầu chúc cho một trẻ sơ sinh!

226. Và tôi đã vẽ một bản "Tam dã điểu" lộn ngược ở mặt sau nhà kho, có nghĩa là mọi vận xui đều sẽ ở đằng sau bạn!

227. Chà, ông thật tốt quá, ông khách lạ ạ!

228. Ối!

229. Ba nó! Em cho là đến lúc rồi!

230. Đến lúc làm gì vậy hả má nó? Anh đang bận nói chuyện với...

231. ?

232. !!!

233. **Có lẽ bảng hiệu đó có tác dụng! Daphne may mắn từ lúc sinh ra, và Gladstone đã thừa hưởng tất cả sự may mắn đó!**

234. VÙ!

235. BỐP!

236. BỐP!

237. BỐP!

238. BỐP!

239. Vậy là đã rõ! Cú sét đã truyền vào cậu quyền năng của cái bảng hiệu xui xẻo vào tất cả những ngày sinh nhật sẽ đến! Và chính tớ đã gây ra chuyện đó! Ha ha ha!

240. Nhưng >khịt!< cái gì có thể hóa giải được chuyện đó?

241. >Ngáp!<

242. Hì hì! Có thể là một cú sét khác đi qua cái bảng hiệu may mắn vào một ngày sinh nhật khác! Nhưng có mấy khi xảy ra chuyện ấy nhỉ?

243. Bị các cú sét kỳ dị đánh trúng chính là điều vẫn xảy đến với tớ vào những ngày sinh nhật mà!

244. BOOONG!

245. Nào, tớ chẳng biết liệu một cú sét đánh như vậy có thể đem lại cho tớ những quyền năng may mắn bình thường của cậu không nhỉ?

246. Âm thanh gì vậy?

247. KHÒ

248. ẦM ẦM

223. No extra charge, pal! It's my gift to the new baby your wife is expectin'! It's called a hex sign!
224. What? Hex?!
225. Don't worry — hex-signs always have good effects! This one is a "Triple Distelfink" for triple good luck, combined with the sign for wishes to a newborn child!
226. And I painted an inverted Triple Distelfink on the back of the barn, meaning all bad luck will be behind you!
227. Well, that's mighty nice of you, stranger!
228. Oop! 229. Pa! I think it's time!
230. Time fer what, Ma? I'm busy here talkin' to the —
231. ? 232. !!!
233. "It seems the sign worked! Daphne was born lucky, and Gladstone inherited every ounce of that luck!"
234. ZOW 235. POP! 236. POP!
237. POP! 238. POP!
239. That explains it! The lightning infused you with the power of the bad luck sign for all your birthdays to come! And I caused it! Ha ha ha!
240. But >snif!< what can undo it?
241. >Yawn!<
242. Hee hee! Maybe another bolt of lightning passing through the good luck sign on another birthday! but what are the odds of that?
243. Getting hit by freak lightning is just the sort of thing that happens to me on birthdays!
244. BOINK!
245. Say, I wonder if such a blast could give me normal good luck powers?
246. What's that sound?
247. ZZZ 248. RUUMMMBLLE

https://tieulun.hopto.org

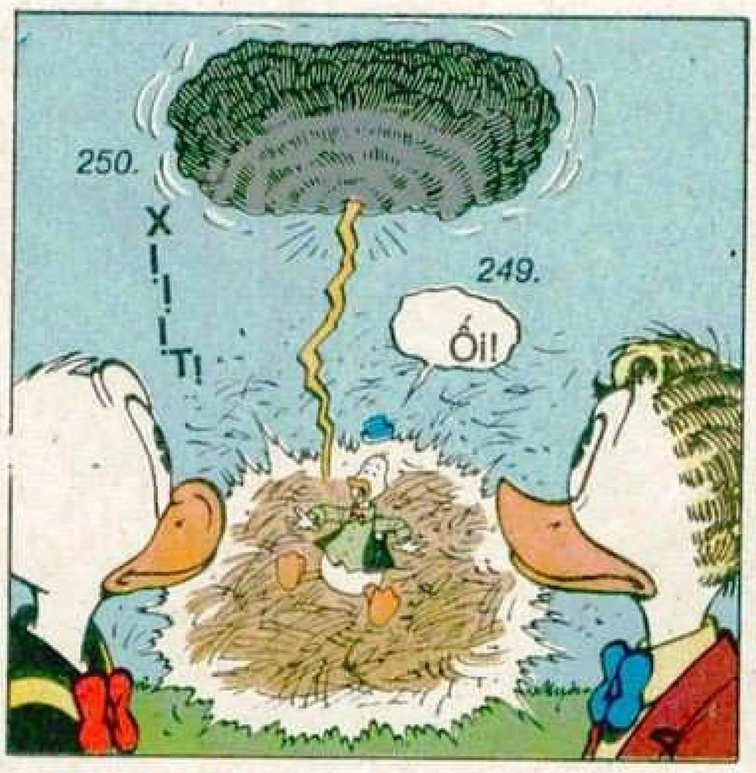

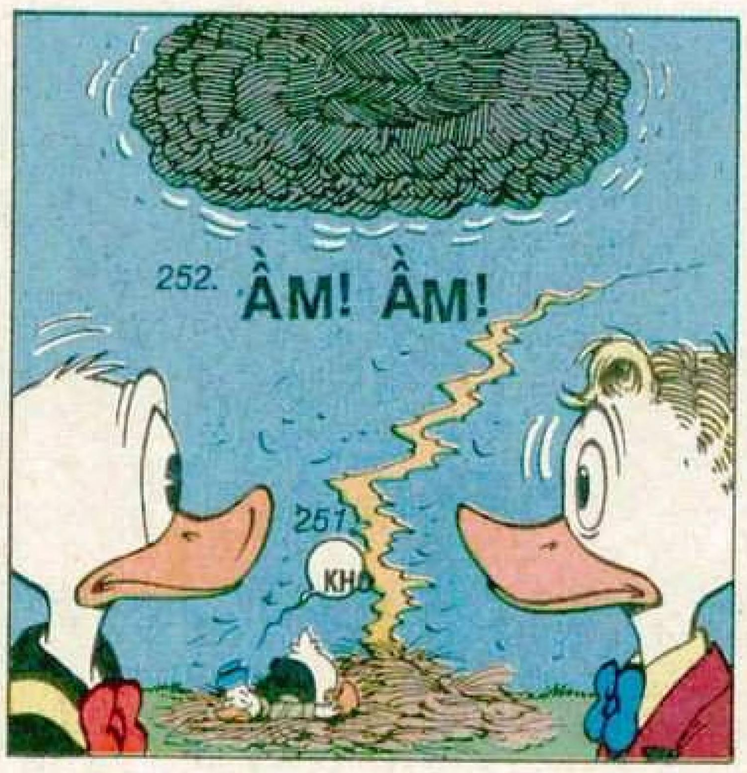

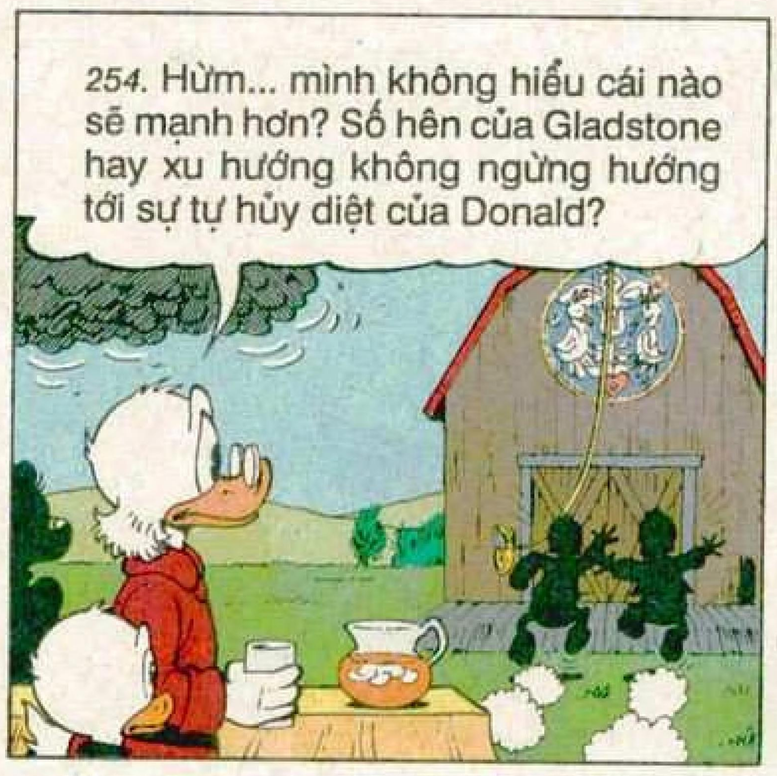

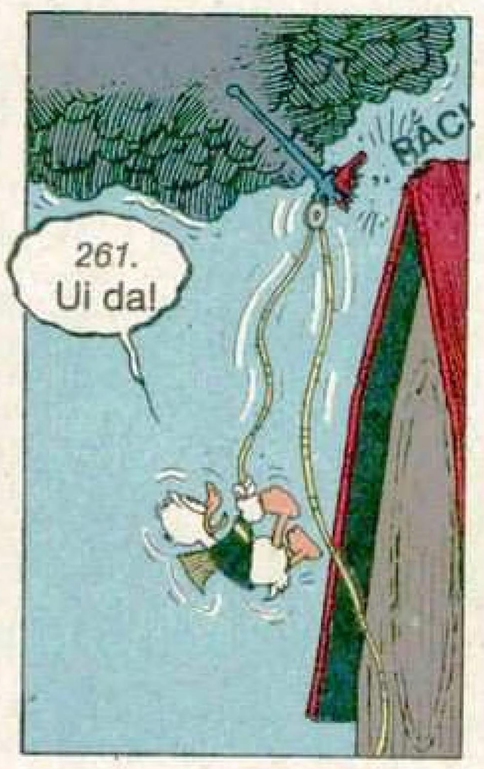

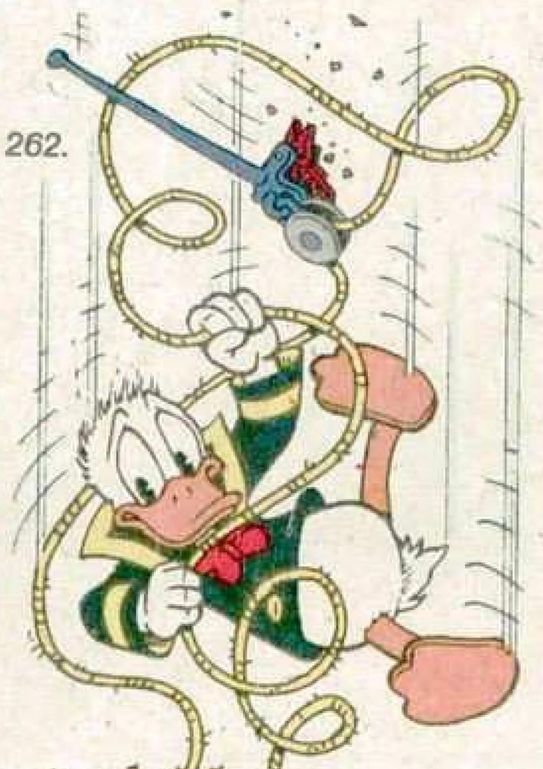

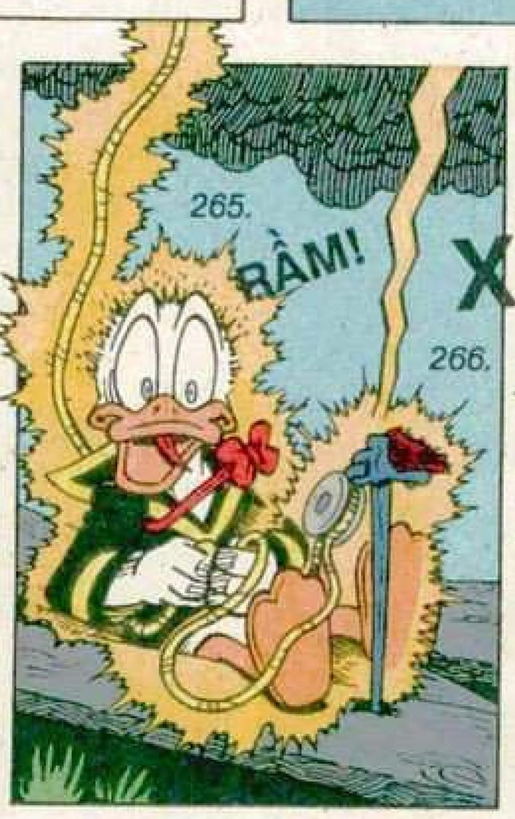

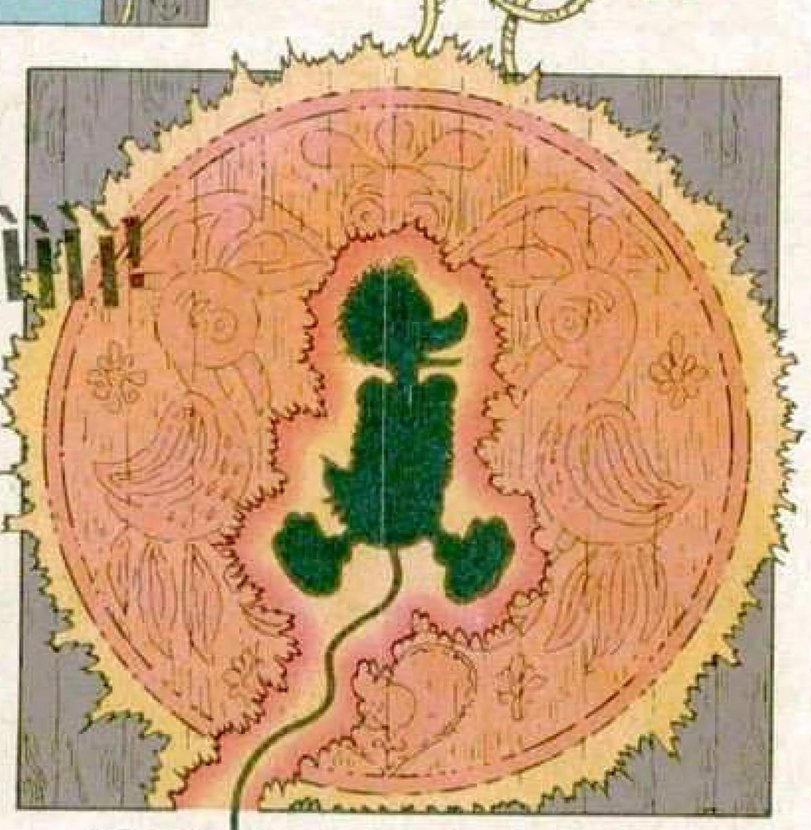

249. Eep!
250. ZZZZT!
251. Z
252. RUUUMMBBLLLE
253. Yippeee! Outta my way!
254. Hm... I wonder what will be more potent? Gladstone's luck, or Donald's eternal tendency toward selfdestruction?
255. One thing is certain — this should be a good show! Pass the lemonade!
256. Not so fast, Gladstone! This time you stay on the ground and get zapped! I'll be up near that hex sign!
257. RUMMMBLE
258. Life of luck, here I come!
259. Yoo-hoo! Lightning bolt! Here I am! Over here!
260. RUMMBLLE!
261. Yow!
262. SNAP!
263. BOING!
264. THUD!
265. CRACK!
266. ZZZZZZZZZT!

https://tieulun.hopto.org

ẦM! ẦM!
267.

268. Nó lại xảy ra! Y như lần trước! Nhưng >ôi!< liệu cái bảng hiệu may mắn đã loại bỏ được lời nguyền ngày sinh nhật xui xẻo chưa?

269. Xin lỗi, bà có phải là bà Elvira Duck không ạ?

270. Ơ... đúng! Ông cần gì?

272. XỊỊT!

271. ???

273. Chúng tôi đang đi tìm thân nhân gần gũi nhất của ông Gladstone Gander quá cố! Ông đã trúng thưởng lớn khi ông mua một vé máy bay đến Alaska, nhưng... à... ông đã chẳng bao giờ hoàn tất chuyến bay!

274. **Hoan hô!** Lời nguyền ngày sinh nhật của tôi đã chấm dứt! Tôi lại được may mắn quanh năm!

275. Vậy thì, Donald à, hãy nói cho bác — có phải là số hên của Gladstone đã tỏ ra là mạnh nhất không? Hay khuynh hướng tự hủy diệt của cháu mới là mạnh nhất?

276. Ừử!

277. Đúng, đó cũng là ý kiến của bác!

278. Nước chanh nhé?

279. XỊỊ

280. XỊ!

281. XỊ!

282. XỊ!

Và thế là...

283.

284. Cám ơn tất cả mọi người về một ngày sinh nhật hết sức đặc biệt — ngày sinh nhật vui vẻ đầu tiên của tôi từ nhiều năm qua!

285. KHÒI

286. Tôi cũng phải cám ơn Donald! Nhưng anh ấy đâu rồi?

287. Ồ, chú ấy đang ở phía trước nhà kho!

288. 5 xu tiền gửi, 5 xu tiền gửi, 5 xu...

289. Người anh em à, cậu phải biết là sét không bao giờ đánh hai lần ở cùng một chỗ!

291. Tôi muốn nói, có mấy khi xảy ra chuyện đó nhỉ?

290. Ồ, câm mồm!

292. HẾT

267. RUMBLE
268. It happened again! Just like before! But >gulp!< did the good-luck sign cancel out the bad-luck birthday curse?
269. Excuse me, are you Mrs. Elvira Duck?
270. Er... yes! Can I help you?
271. ???
272. ZZZT!
273. We're looking for the next-of-kin of the late Gladstone Gander! He won a big sweepstakes prize when he bought an airline ticket to Alaska, but... er... never completed the flight!
274. Hoo-hah! My birthday curse is gone! I'm lucky all year round again!
275. So, Donald, tell me — did Gladstone's luck prove most powerful? Or was it your inclination to self-destruction?
276. Mf!
277. Yes, that's my opinion as well!
278. Lemonade?
279. BZT
280. ZZT
281. BZZT
282. ZT
283. And so —
284. Thank you one and all for a very special birthday — my first happy birthday in years!
285. Z
286. I must also thank Donald! But where is he?
287. Oh, he's over in front of the barn!
288. 5¢ deposit, 5¢ deposit, 5¢...
289. Cousin, you should know that lightning never strikes twice in the same place!
290. Oh, shut up!
291. I mean, what are the odds of that?
292. END

https://tieulun.hopto.org

CHUỘT MICKEY

Liều thuốc chết giả

Người dịch : VĂN THẮNG

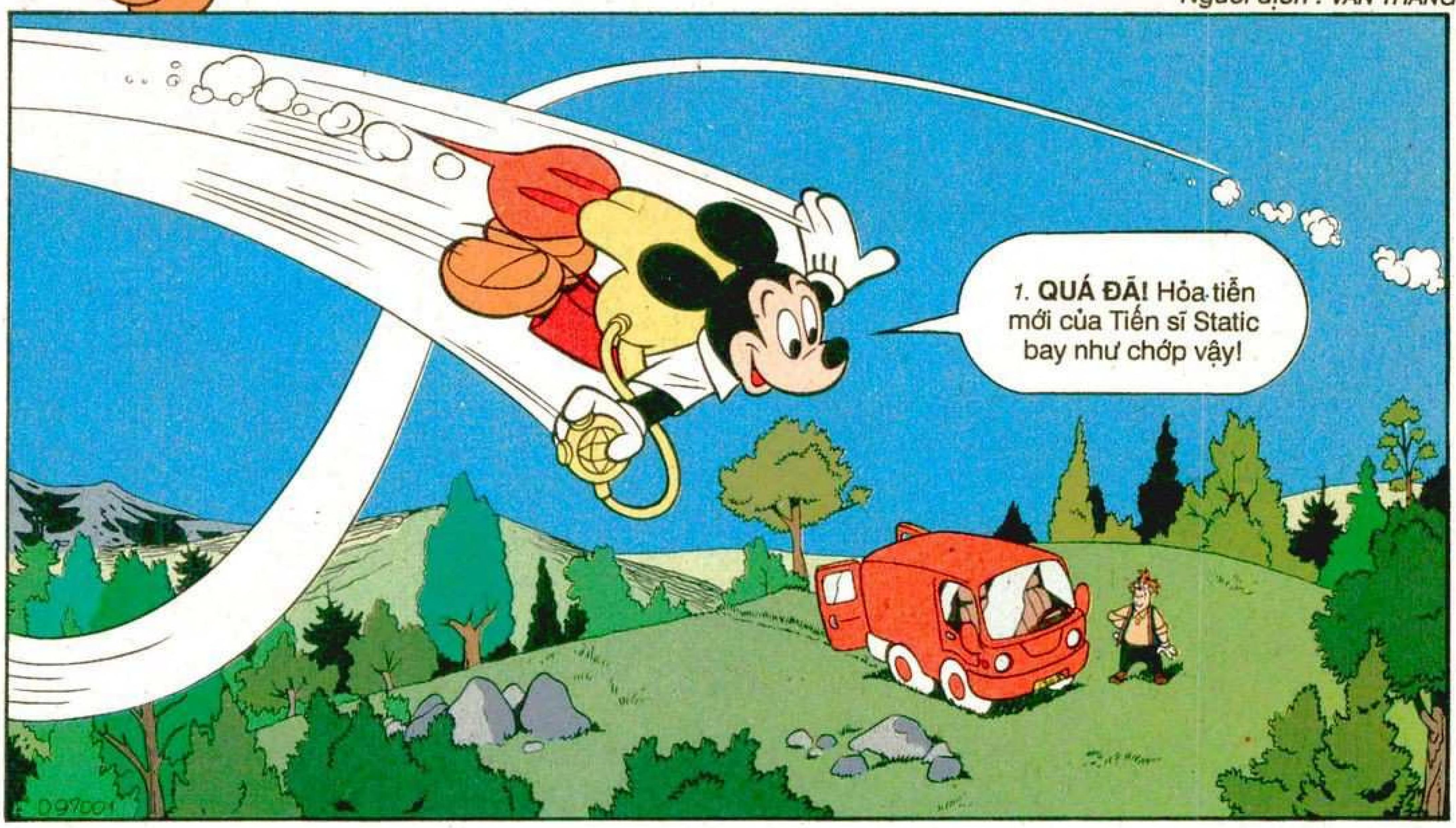

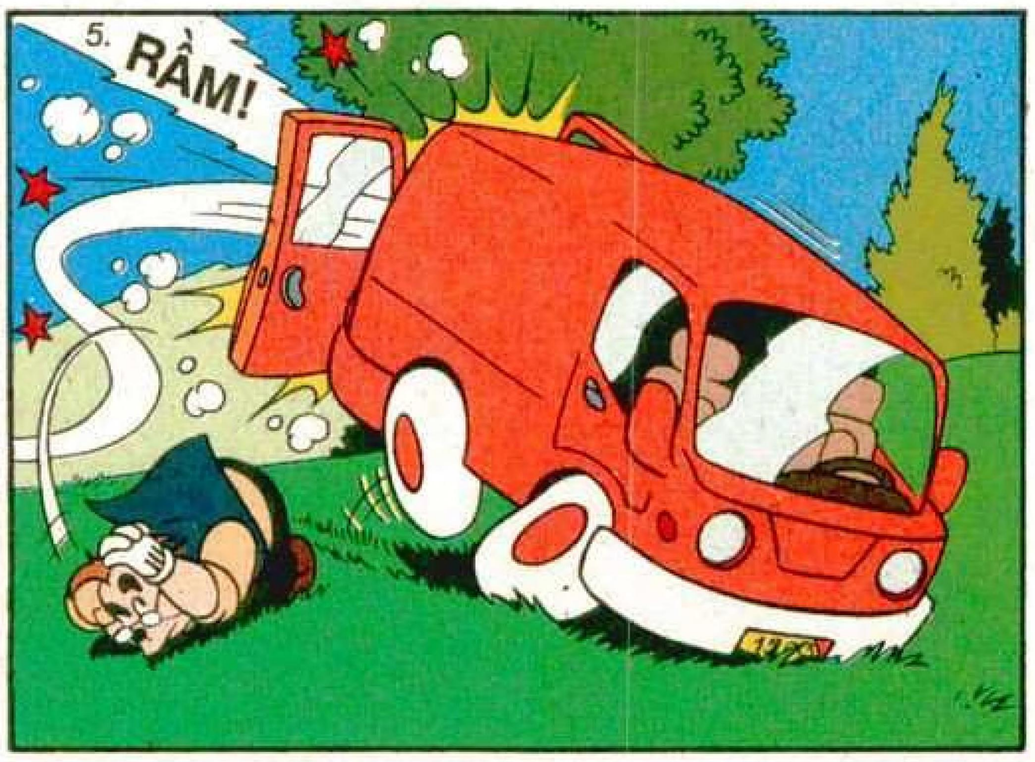

1. YAHOO! Doc Static's new rocket pack flies like a bolt of greased lightning!
2. That's enough for the first test, Mickey! Better come down now!
3. Aw, drat! The Doc's waving me in already! Just as I was getting the hang of flying this thing!
4. Uh-oh! Landing may turn out to be a lot trickier than I —
5. CRASH!

https://tieulun.hopto.org

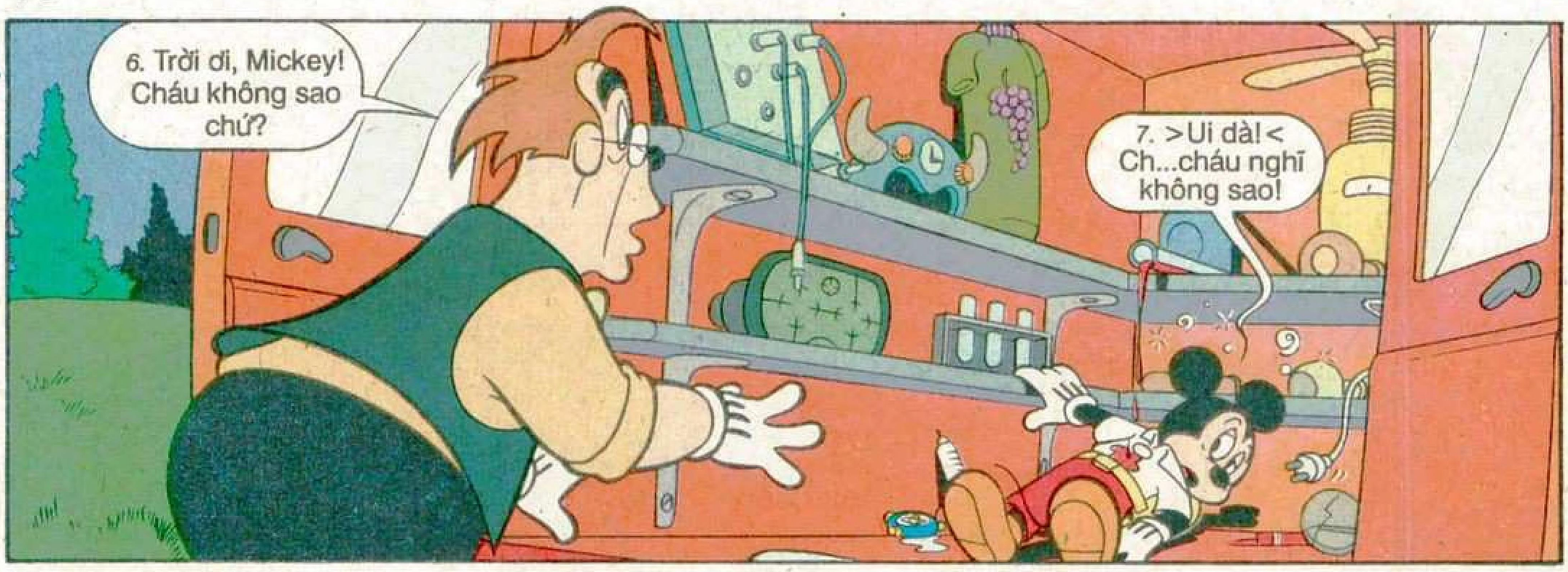

6. My goodness, Mickey! Are you all right?
7. >Groan!< I-I think so!
8. But my shirt looks mortally wounded! What was in that flask I broke — some kind of dye?
9. Hm... no, it contained an experimental suspended animation formula! You didn't swallow any, did you?
10. Nah!
11. That's a relief! It could have — never mind! I'm just glad you're all right!
12. Ha! I'm glad you spared me one of your usual incomprehensible scientific explanations!
13. Gotta run, Doc! Minnie's invited me for Sunday dinner and I want to walk back to work up a sizable appetite!
14. So long, Mickey! Thanks for helping me test my rocket pack!
15. This is weird! >Yawn!< Suddenly I'm so sleepy, I can hardly stay...
16. ...awake... ZZZZZZ
17. PLOP!

https://tieulun.hopto.org

18. Rất, rất lâu sau đó...
19. Úi!
BỐP!
20.
21. >Hừm!< Mình nghĩ cái đó đã dạy cho mình một bài học về cái tật ngủ ngay giữa rừng!
22. Uuưi... lạy trời... đau quá! Không biết mình đã ngủ bao lâu rồi nhỉ?
23. Khỉ thật! Đồng hồ chết rồi! Không biết có phải nó bị hư lúc mình đáp xuống cái rầm không nhỉ?
24. Nhưng chuyện đó tính sau, nên quay về thành phố mau lên! Mình mà tới trễ thì Minnie sẽ lột da mình làm món chính đấy!
25. Một lát sau...
26. Lạ thật! Hình như có lớp sương mù bao phủ khắp thành phố Duckburg thì phải!
27. Dù là gì đi nữa, hình như mình không thể nhìn thấy rõ bất cứ vật gì cách xa mình mười mét cả! Có lẽ mình cần một cặp mắt kính hay cái gì đó!

18. Much, much later —
19. Ouch!
20. CONK!
21. >Hmph!< Guess that'll teach me to fall asleep in the middle of a forest!
22. Oooh... for gosh sakes — that hurts! Just how long have I been asleep anyway?
23. Drat! My watch has stopped! Wonder if it broke when I crash landed?
24. But I'd better worry about that later and hurry back to town! If I'm late for dinner, Minnie's main course will be my hide!
25. Shortly —
26. This is odd! There seems to be some kind of haze in the air over Duckburg!
27. Whatever it is, I can't seem to see anything clearly beyond about ten meters! Almost like I need glasses or something!

https://tieulun.hopto.org

28. Hey! There's Horace Horsecollar! Maybe he can tell me where that haze came from!
29. Horace, wait up!
30. Hey, Horace, didn't you hear me calling — >erk!<
31. What'd you say! Somebody's calling me? I didn't hear the phone!
32. Sorry, I thought you were someone else, someone younger! Sorry to take up your time!
33. What?! It's five-fifteen, best I can tell!
34. I didn't ask for the time!
35. What?! You want a dime?!
36. I should of known you were a no-good beggar from the looks of your clothes!
37. My clothes? What's wrong with my —
38. Huh?!
39. Gee, I must have torn up my clothes in that crash, too! But... but how come I don't remember anything except the stain?!
40. Senile old fool!

https://tieulun.hopto.org

41. Mình nên về nhà và thay quần áo đã! Minnie sẽ không thích nếu như mình phô diễn bộ tịch như thế này!

42. Pluto, bạn già!

43. ?

44. Rất vui khi về nhà và gặp khuôn mặt thân thương này!

45. Này, thằng kia! Buông chó tao ra!

46. Chó của ông hả? Nhưng Pluto là chó của tôi và đây là nhà tôi mà!

47. Pluto? Tên nó là Spike! Và tao đã sống ở đây 15 năm rồi!

48. Hiểu chưa? Mày là thằng nào... khùng hả?!

50. JOE PUGNOSKI

49. >Hự!<

51. Mày còn ló mặt ở đây nữa, đồ chuột già điên, là ăn đá đít nghe chưa!

53. JOE PUGNOSKI

52. C...c...có lẽ mình điên thật rồi!

41. I'd better go home and change! Minnie won't appreciate it if I show up looking like this!
42. Pluto, old pal!
43. ?
44. Nice to come home to a friendly face!
45. Hey, you! Get away from my dog!
46. Your dog? But Pluto is my dog, and this is my house!
47. Pluto? His name is Spike! And I been livin' here for over 15 years!
48. See? What are you — nuts or somethin'?!
49. >Gasp!<
50. JOE PUGNOSKI
51. Show your face around here again, you crazy old mouse and your bottom will get my boot!
52. M-m-maybe I have gone crazy!
53. JOE PUGNOSKI

https://tieulun.hopto.org

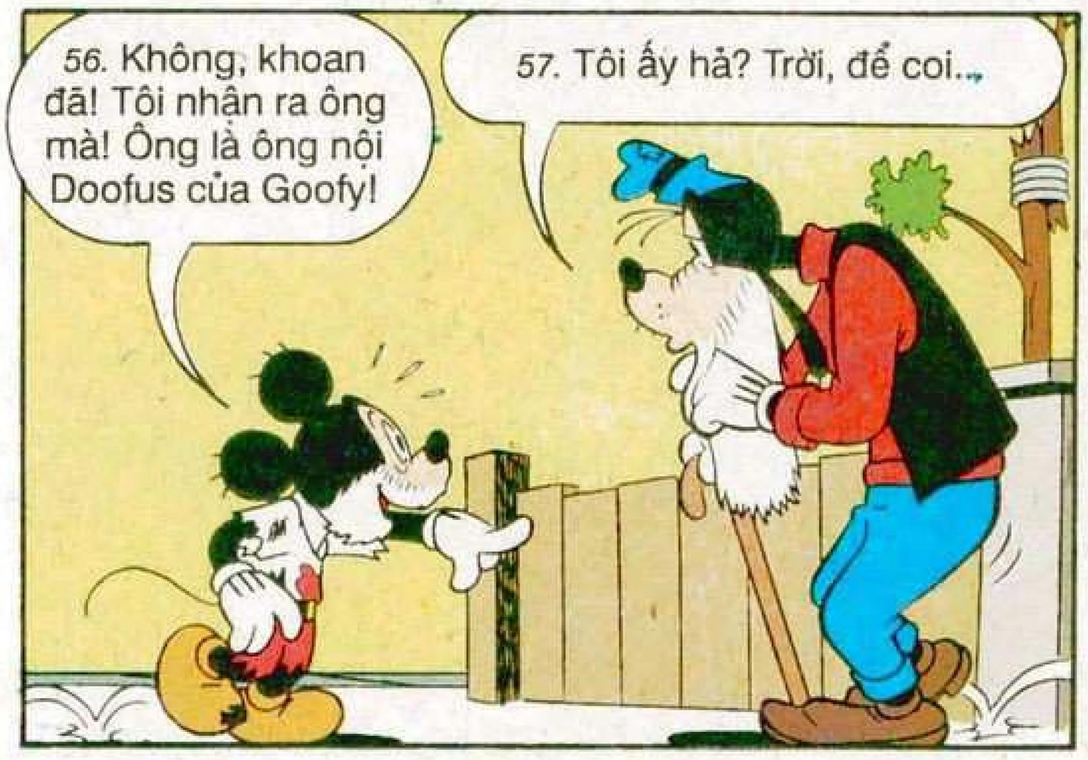

54. *Thank goodness! There's Goofy! If I've gone around the bend, he can help! He's an expert on wacky!*
55. *Arrgh! Not again!*
56. *No, wait! I recognize you! You're Goofy's Grandpa Doofus!*
57. *Am I? Gawrsh, le'me see...*
58. *Nope! That ain't muh name! I dunno fer shore, but, I seem to recall people callin' me Goofy!*
59. *No, no... that's your grandson's name! Is he home?*
60. *Kinda hard ta say! My memory's a bit muddy, ya know!*
61. *Well, do you remember seeing him in the house?!*
62. *Who?*
63. *Goofy! Was Goofy in the house?*
64. *Well, I was, but now I'm out here!*
65. *Oh never mind! Just do me a favor, if you can remember...*
66. *Tell Goofy that Mickey was looking for him!*
67. *Mickey? That sounds familiar! Maybe that's muh name!*

https://tieulun.hopto.org

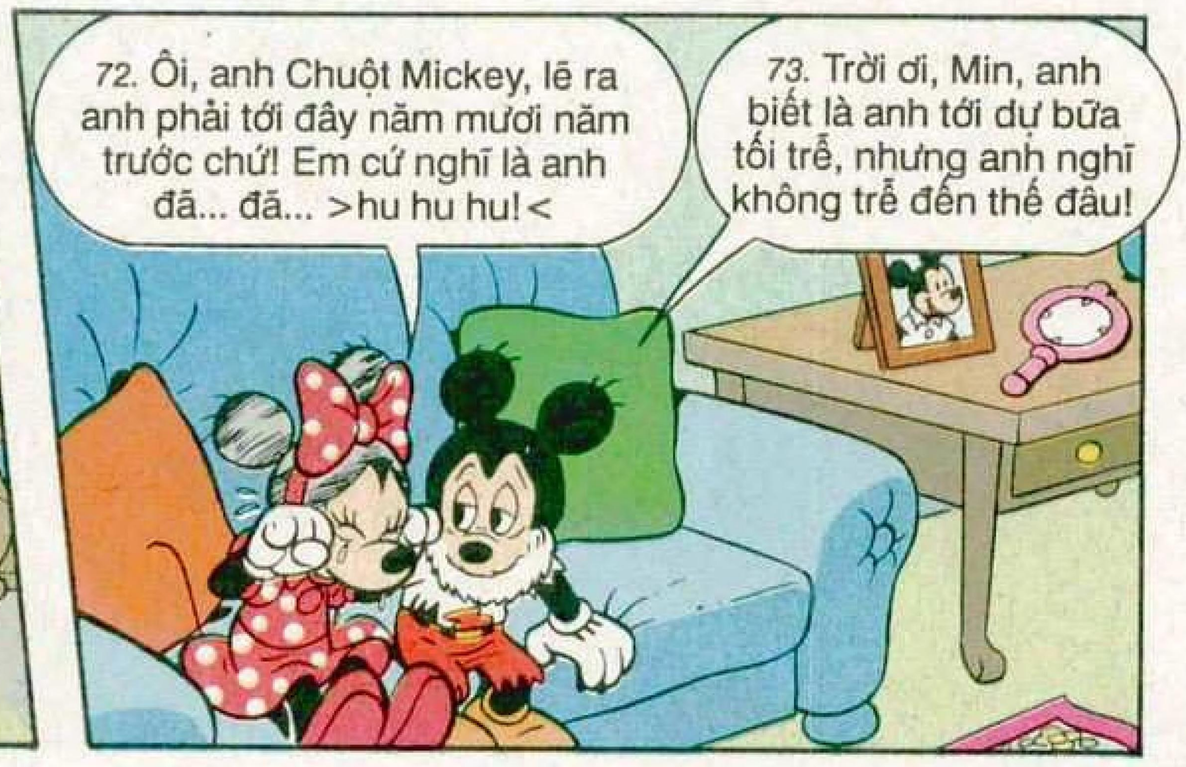

68. Minnie's my last chance for some sanity! If she's not mad at me for being late for dinner, that is!
69. Sorry I'm late, Min, but I —
70. Minnie?!
71. Mickey?!
72. Mickey Mouse, you were supposed to be here fifty years ago! I thought you were... were...>boo-hoo-hoo!<
73. Gee, Min, I knew I was late for dinner, but I didn't think I was that late!
74. Would you mind telling me where you've been all this time?!
75. Gee, Min, I was just taking a little nap!
76. But... but I couldn't have slept for fifty years! Or I'd be old, too!
77. I've got news for you — look!
78. Jumpin' geriatrics! I'm as old as the hills!
79. Yes, but the hills look younger!
80. I've got to find Doc Static, see if he can straighten this out! I'm too young to be old!
81. Get back soon, Mickey Mouse! I won't wait another fifty years for you!

https://tieulun.hopto.org

82. Nhưng phòng thí nghiệm của Static lại là một cú sốc khác của tương lai...

83. Chu cha! Nhìn kìa!

84. Mickey! Lâu lắm rồi không gặp cháu! Cháu đã ở đâu vậy?!

85. Tiến sĩ? Ông ở trên ti-vi! Nhưng sao trông ông chẳng già đi gì hết vậy?!

86. Thân thể bác là một sự xa xỉ vướng víu nên bác quyết định không dùng đến! Hiện giờ bác đang sống trong mạng không gian toàn cầu!

87. Này bác Tiến sĩ, bác phải giúp cháu! Cháu đã ngủ trong suốt 50 năm, chỉ vì chất thí nghiệm tình trạng chết giả của bác đó!

90. MÁY VẬN CHUYỂN XUYÊN THỜI GIAN

88. Lạ thật, nhưng để bác kiểm tra lại trí nhớ đã! Bác không thể nhớ được bác đã làm những gì cách đây lâu đến thế!

89. Này, nhưng bác có chiếc máy thời gian mà! Bác có thể đưa cháu trở lại trong chiếc máy đó!

91. Bác không thể chỉ đưa cháu trở lại! Cháu sẽ vẫn già một khi cháu về được nơi đó, vì con người kia của cháu vẫn tiếp tục ngủ vùi!

92. Ồ...

93. Vậy là cháu bị buộc phải làm một ông già... mà chẳng có được một ký ức gì từ tuổi già ấy cả!

82. But Static's lab is another future shock —
83. Jeepers! Look at this!
84. Mickey! I haven't seen you in ages! Where've you been?!
85. Doc?! You're on TV! But how come you don't look any older?!
86. My body was a cumbersome luxury I decided to do without! I live in cyberspace now!
87. Doc, you've gotta help me! I've been asleep for fifty years, thanks to that suspended animation formula of yours!
88. How odd, but I'll have to check my memory banks! I can't remember what I was working on that long ago!
89. Hey, you've got a time machine! You can send me back in it!
90. TIME TRANSPORTER
91. I can't just send you back! You'd still be old when you got there, and your other self would still be asleep!
92. Oh...
93. Then I-I'm doomed to be an old man... without even any memories to show for it!

https://tieulun.hopto.org

94. Khoan đã! Có lẽ chúng ta có thể làm được điều gì đó! Hãy kiểm tra chiếc máy đàng kia xem!

95. Ngay bây giờ máy đang trộn thuốc giải độc chất thí nghiệm tình trạng chết giả ngày trước đó!

96. Vâng, nhưng rồi sao? Cháu đang thức mà!

97. CHẤT THUỐC

98. À, nhưng cháu có thể dùng thuốc giải độc để đánh thức thằng Mickey đang ngủ ấy, một khi bác đưa cháu trở về năm mươi năm trước bằng máy vận chuyển xuyên thời gian!

99. Thuốc giải độc vừa pha chế xong! Cháu cảm thấy tươi trẻ hơn rồi!

100. VẬN CHUYỂN

101. CHẤT THUỐC

102. Khi thằng Mickey đang ngủ thức giấc thì lão Mickey già này sẽ không còn tồn tại đâu đấy!

103. Ít nhất cho tới khi cháu già đi một cách đáng yêu chứ không phải là một cách biếng nhác!

104. Bác đã khởi động máy để đưa cháu trở lại thời kỳ quá khứ ngay sau khi cháu ngủ!

105. Tạm biệt bác Tiến sĩ! Hẹn gặp lại bác ở thế kỷ hai mươi!

106. OOOOOO

107. **Ngay chóc!** Thật là vui khi nhìn thấy mình trẻ lại!

108. KHÒÒÒ

109. Xin lỗi phải dội ướt anh bạn, nhưng anh bạn cần chút thuốc bổ trước khi bỏ lỡ cả nửa thế kỷ những bữa tối chủ nhật!

94. Wait! Maybe there is something we can do! Check out that machine over there!
95. Right now, it's mixing up an antidote for that old suspended animation formula!
96. Yeah, but so what? I'm already awake!
97. MR. FORMULA
98. Ah, but you can use the antidote to wake up sleeping Mickey, once I send you back to 50 years ago in the time transporter!
99. Fresh-brewed antidote! I feel perkier already!
100. TRANSPORTER
101. MR. FORMULA
102. When sleeping Mickey wakes up, old Mickey will cease to exist!
103. At least until I grow old gracefully instead of lazily!
104. I've set the machine to materialize you in the past just after you fell asleep!
105. Bye, Doc! See you back in the twentieth century!
106. HMMMMMMM
107. Bulls-eye! Feels good to see myself young again!
108. ZZZZZ
109. Sorry for the soaking, pal, but you need a little pick-me-up before you miss half a century of Sunday dinners!

https://tieulun.hopto.org

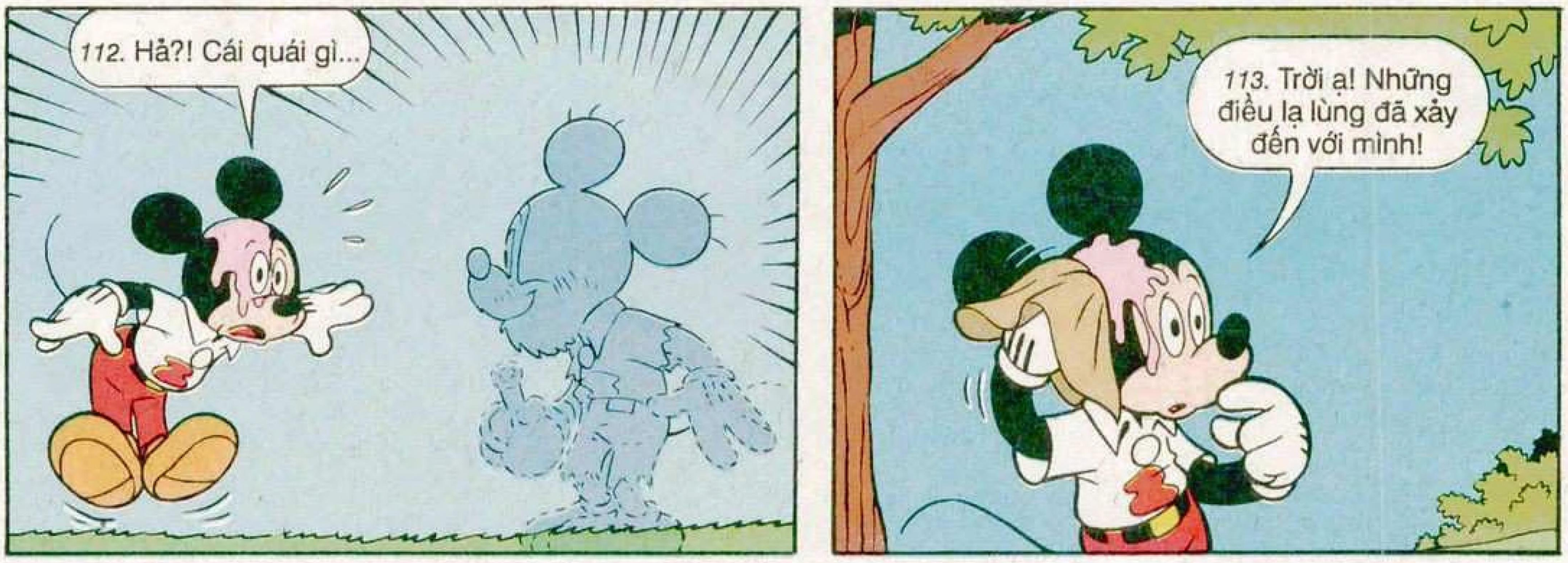

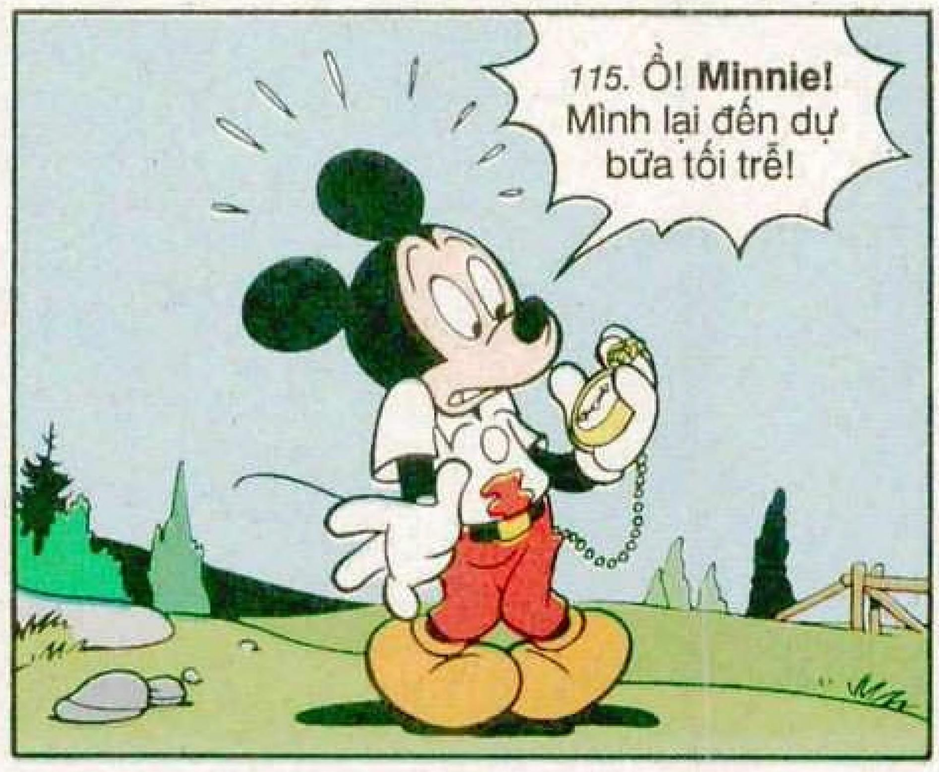

110. >Awk! Ptooey!<
111. What's the big idea, you crazy old coot?!
112. Huh?! What the —
113. Good gosh! The strange things that happen to me!
114. Wait till I tell Minnie about this! She'll —
115. Uh-oh! Minnie! And I'm late for dinner!
116. And so —
117. ...assaulted by an old alien who looked like you!? I'm getting too old for your crazy excuses, Mickey Mouse!
118. Oh, Minnie, you'll never be that old!

https://tieulun.hopto.org

BÁC SCROOGE

Nghệ thuật của bác Scrooge

Người dịch : NHẬT HỒNG

1. Wonderful! Just look at all this objects of art!
2. Humph! If I wasn't appointed a seat on the museum's board of directors, you'd never get me anywhere near this tripe!
3. MUSEUM OF MODERN ART
4. But Mister McDuck, often it's only by making the ordinary seem unique that the world at large pauses long enough to appreciate the otherwise mundane!
5. At least I was spared the cost of admission!
6. And here I was hoping you might make a sizable donation! The exhibit is due to run out of funding very soon!
7. When that happens, I don't know where we'll house it!

https://tieulun.hopto.org

8. Đồ bịp bợm! Thật đáng đời!

9. Lũ ham mê nghệ thuật các người chẳng hiểu gì về những chuyện thực tế trong cuộc sống!

10. Làm ơn đi, ông Vịt! Ông phải giúp chúng tôi tìm ra một nơi cho cuộc triển lãm này!

11. Hừm!

12. Hồi nãy mình nghĩ mình sắp phải tự che chắn trước những giọt nước mắt như mưa của hắn! Thật thế!

13. Ít ra bây giờ trời cũng mưa thiệt rồi!

14. Rõ ràng viện bảo tàng đã không lên kế hoạch thích đáng khi sử dụng những tác phẩm đó! Người ta lúc nào cũng cần phải chuẩn bị cho tương lai chứ!

15. Giống như lúc mình đã mua cái dù này hồi đó! Nó giúp cho mình chịu đựng được cái nắng gay gắt nhất ở vùng xích đạo và những mùa mưa dữ dội nhất!

8. Humbug! Serves you right!
9. You art fiends have no appreciation for the practical things in life!
10. Please, Mister McDuck! You must help us find a home for this exhibit!
11. Harumph!
12. For a moment there, I thought I was going to have to shield myself from that grown man's tears! Honestly!
13. At least now it's going to rain for real!
14. Clearly the museum didn't make adequate plans when it commissioned those works! One needs to always prepare for the future!
15. Like I did when I purchased this fine bumbershoot back in ought-seven! It's stood me well in the brightest equatorial climes and the foulest monsoon!

https://tieulun.hopto.org

16. Mình đã tiết kiệm rất nhiều, rất nhiều lần trị giá của nó do không phải trả đồng nào cho tài xế hay thuê xe chỉ vì thời tiết xấu đi có một tí thôi!

17. $

18. Chà, mình nhớ có một lần mình đã dùng nó để nhảy dù đến nơi an toàn! Suýt chút nữa mình đã rơi xuống dòng sông Dương Tử đang tràn bờ!

20. PHỰT!

19. Ôi trời đất ơi !

21. Chết tiệt chết tiệt!

22. Ít ra thì cũng không cách quá xa >ự!< nhà mình!

23. Không thể tin được là chuyện này lại xảy ra! Cái chùm chìa khóa chết tiệt của mình đâu rồi kìa?

24. Một lát sau, nhưng có vẻ như rất lâu...

25. Ổ khóa cuối cùng đây!

16. I've saved its cost many, many times over by not having to pay a driver or hire a cab just because the weather takes a tiny turn for the worse!
17. $
18. Why, I remember one time I used it to parachute to safety! I almost ended up in the swollen Yangtze River as it roared over the banks of its delta!
19. Oh my stars and garters!
20. SNAP!
21. Double drat!
22. At least it's not much further to my >oomph< front door!
23. I can't believe this is happening! Now where are my blasted keys?
24. A bit later, but seeming much longer —
25. That's the last of them!

https://tieulun.hopto.org

26. Well, fortunately it's not affected too badly!
27. Another patch or maybe two and it will be as good as new!
28. Sigh! Who am I fooling?

29. It looks like I'm going to have to pay Gyro another 50 cents!
30. Yes! To spray it with his special waterproof adhesive and pull it all back together!

31. That's the second time this decade!
32. Very soon —
33. Ah! That's much better!
34. BATHROOM
35. Nothing beats a hot bath when one is chilled to the bone!

https://tieulun.hopto.org

36. I think next I'll have some hot nutmeg tea and call it a day!
37. Things always look better in the morning!
38. I could fall asleep right here! Sigh!
39. What on earth?!
40. PLUNK!
41. Dirty water is leaking from the ceiling?!
42. The roof can't be leaking! I just had it recovered 30 years ago!
43. It'll cost me a mint to fix this roof!
44. Wait a minute! I know just the thing!

https://tieulun.hopto.org

45. Sau đó...
46. Trời ơi, ông Vịt! Tôi quá ngạc nhiên khi nhận điện thoại của ông!
47. Ừ, ừ! Nhanh lên, được không?
48. Tôi rất mừng khi ông đã quyết định cung cấp một ngôi nhà cho các tác phẩm điêu khắc của chúng tôi, thưa ngài Vịt!
55.
49. Nhưng cho tôi được hỏi nguyên nhân gì đã làm cho lòng ông đột ngột thay đổi như vậy ạ?
50. Tôi chả có đột ngột thay đổi lòng dạ gì hết! Tôi vẫn nghĩ rằng mọi cái đều cần phải hữu dụng và thực tế!
51. Ví dụ những bức tượng này có thể sẽ dọa được các tên trộm!
52. Nhưng lý do thực sự khiến tôi đồng ý dành chỗ cho "cái nghệ thuật" của ông chỉ là vì có một sản phẩm trưng bày đặc biệt sẽ tiết kiệm cho tôi chi phí làm một cái mái nhà mới!
53. Hả!?
54.

45. Later —
46. Dear me, Mister McDuck! I was so surprised to hear from you!
47. Yes, yes! Hurry it up, will you?
48. I'm so glad you've decided to provide a home for our sculptures, Mister McDuck, sir!
49. But may I ask what caused such a sudden change of heart?
50. I didn't have any sudden change of heart! I still think things should be useful and practical!
51. For instance, these sculptures might help scare off burglars!
52. But the real reason I agreed to make a place for your "art" is because one exhibit in particular will save me the cost of a new roof!
53. Huh!?
54. $
55. $

https://tieulun.hopto.org

CHÚ BÉ HIAWATHA

Học bắn cung

Người dịch : ĐÔNG QUỲNH

1. Ôi! Sao hôm nay nhiều đồ phải giặt thế này!

2. A! Rất mừng thấy hai cha con ông đang rảnh!

3. ?!

4. Vậy thì cha con ông phụ tui giặt quần áo đi!

5. Ơ... Bà biết không... cha con tui cũng muốn lắm, nhưng... ơ...

6. Tui đã hứa dạy Hiawatha tập bắn cung bữa nay, cho nên cha con tui bận lắm!

7. Cha hứa ư?

8. Sao mình không giúp mẹ, hả cha? Mình có làm gì đâu!

9. Này con trai, con phải học nhiều thứ! Bài học thứ nhất: "Đừng bao giờ làm công việc của phụ nữ"!

10. Bài thứ hai: "Một tù trưởng vĩ đại không bao giờ để phụ nữ đánh bại"!

11. Con sẽ cố ghi nhớ, cha ạ!

12. Giờ nói tới chuyện bắn cung! Ráng bắn đứt sợi dây nhỏ cột ở cái cây kia bằng một mũi tên nghe!

1. >Sigh!< What a lot of dirty laundry today!
2. Ah! I'm glad to see that you two are not busy!
3. ?!
4. Then you can help me with some dirty laundry!
5. Err... You see... we'd love to, but... er...
6. I've promised Hiawatha some archery practise today, so we're very busy!
7. You have?
8. Why didn't we help her, dad? We were doing nothing!
9. Son, you have a lot to learn! Lesson number one; "Never do women's work!"
10. Lesson number two; "A great chief should never let himself be defeated by a woman!"
11. I'll try to remember that, dad!
12. Now for the archery! Try to cut that string, tied to the tree, with a arrow!

https://tieulun.hopto.org

13. Khá đấy, con trai!
15. PHẬP!
14. BỰT!
16. Giờ để cha chỉ cho con cách bắn!
17. Ồ, cha! Cha nghĩ là cha có thể bắn trúng sợi dây ư?
18. CHÀ! Ngay chóc!
19. ZÍU!
20. PHỰT!
21. TRỜI ƠI!
22. Hả?!
23. Ai thét lên kinh khủng vậy? Mình đâu có bắn trúng ai, chắc chắn như vậy!
24. Thì ra cha con ông giải trí bằng cách bắn đứt sợi dây phơi đồ của tui, hả?!
25. Cha ơi, sao mình phải đi tới tận con sông này để giặt đồ vậy cha? Sao mình không giặt ở con sông sau nhà?
26. À... con biết không, bài học thứ ba đó là khi con đã bị phụ nữ đánh bại và con phải làm công việc của bả thì: "Đừng để cho lính tráng của con trông thấy"!
27. CHỤP! CHỤP!
28. CHỤP! CHỤP!

13. Nice shot, son!
14. TWANG!
15. THUD!
16. Now let me show you how it's done!
17. Gee, dad! Do you think you can hit the string?
18. WOW! Bull's eye!
19. ZIP!
20. SNAP!
21. WHIINE!
22. Huh?!
23. Who made those screams of terror? We didn't hit anyone, that's for sure!
24. So it's you who amuse yourselves buy cutting my clothes line, huh?!
25. Dad, why did we go all the way to this river to wash clothes? Why couldn't we use the river back home?
26. Well... you see, lesson number three is that when you're defeatred by a woman and you're doing her work; "Don't let your warriors see it!"
27. TOK! TOK!
28. TOK! TOK!

https://tieulun.hopto.org

16. Anh đã cố chuẩn bị cho cuộc hẹn của tụi mình!

Tội nghiệp anh quá!

17.

18. Vậy nghĩa là anh không thể đi trượt tuyết với em bữa nay chứ gì?

19. Anh không muốn nói thế nhưng chắc vậy quá!

20. Chào cô Daisy! Cô đứng lại đi — tụi cháu sắp chơi trò này với chú Donald đấy!

21. Đừng, đừng! Ổng bị thương nặng lắm!

22. Này, chú Donald! Ra ngoài đây rồi cùng tụi cháu chơi trò uýnh nhau bằng banh tuyết kiểu cũ nghe!

23. **Úi!**

24. PHẸT!

25. PHẬP!

26. Nếu bọn nhóc tì tụi bay muốn uýnh nhau thì chú sẽ cho tụi bay một trận!

27. U ơ! Anh nghĩ anh thuộc loại bình phục nhanh, cô bé à!

28. Vậy sao?

29. Vậy thì bình phục đi! Và nữa nè!

30. RẮC!

31. Thế bác sĩ bảo sao hả, chú Donald?

33. Ổng hổng tin nổi chú có thể bị thương dữ vậy do trượt tuyết mà thậm chí không có ra khỏi nhà nữa!

16. I was just trying to get into shape for our date!
17. You poor thing!
18. Does this mean you won't be able to go skiing with me today?
19. I hate to say it, but I'm afraid so!
20. Hi, Daisy! Stand back — we're gonna have some fun with Unca Donald!
21. No, don't! He's seriously injured!
22. Hey, Unca Donald! How 'bout coming out and joining us for a good old-fashioned snowball fight?
23. Oof!
24. SPLAT!
25. WHAP!
26. If you little squirts want a fight, I'll give you one!
27. Uh oh! I guess I recovered kind of fast, Toots!
28. Is that so?
29. Then recover from this! And that!
30. CRACK!
31. So what did the doctor say, Unca Donald?
32. He couldn't believe I could get hurt this much from skiing without even leaving my house!

• Chịu trách nhiệm xuất bản : **LÊ HOÀNG** - Giám đốc Nhà xuất bản Trẻ • Chịu trách nhiệm bản thảo : **NGUYỄN ĐÌNH NAM** - Phó TBT Thời báo Kinh tế Sài Gòn • Biên tập : **NGUYÊN TRÍ CÔNG** • Bìa 1 : **ÂU VIỆT DESIGN** • In tại Xí nghiệp in Lê Quang Lộc theo số đăng ký KHXB : 863/8/CXB (ngày 14-12-1996) và Giấy TNKHXB 377/97/NXB Trẻ. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3-1998 • Liên hệ quảng cáo : **PHÒNG QUẢNG CÁO TBKTSG**, 35 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TPHCM. ĐT & Fax : (848) 8295742.

Giá : 3.500 đ

https://tieulun.hopto.org

CÁC EM ĐÓN XEM TRUYỆN TRANH

WALT DISNEY'S

TẬP 61

Phát hành ngày 16-3-1998

Với các câu chuyện

• Xe đua bằng gỗ thông

Năm nào ba vịt nhóc cũng dự thi đua xe bằng gỗ thông do Đội Chuột chũi tổ chức bằng các xe đua nhờ chú Donald làm và đều bị thua tơi tả! Năm nay, mấy đứa nhỏ quyết tự chế tạo xe đua một mình, không thèm nhờ chú Donald nữa! Bị các cháu cho "ra rìa" Donald tức lắm! Một tài năng thiết kế xe đua như Donald mà tụi nó dám chê à? — Được, anh sẽ cho chúng biết tay!! Donald "cưa sừng làm nghé" giả dạng hướng đạo sinh để tham dự cuộc thi! Thế là, cùng với chiếc xe được thiết kế gian lận của mình, Donald luôn làm người dẫn đầu các lượt đua...

• Cô bé Người Tuyết

Ra ga đón một cô em họ chưa biết mặt của mình mà lại đón nhầm người tuyết thật là chuyện không thể tưởng tượng nổi, phải không các em? Nhưng với Goofy ngớ ngẩn thì chả có gì lạ! Bình thường Goofy vốn khoái các "trò khỉ" nên cô bé Người Tuyết mà anh đón nhầm hạp tính anh quá rồi, cần gì phải thắc mắc nữa chứ?! Goofy có được một ngày tha hồ chơi đủ trò: trèo cây, phóng xe bạt mạng, thò đầu ra cửa sổ... cùng "cô em Người Tuyết"...

• Vị vua cuối cùng của vùng đất vàng (phần 1)

Một câu chuyện phiêu lưu của bác Scrooge và chú cháu Donald đến tận Nam Mỹ xa xôi, với những địa danh có thật trên bản đồ: núi Andes, nước Colombia để săn tìm kho báu của người da đỏ mà truyền thuyết cho rằng đã chôn vùi theo thành phố Eldorado huyền thoại. Chuyến phiêu lưu này chắc chắn sẽ cuốn hút các em ngay từ đầu với những âm mưu, những gian nan trắc trở và nhất là nhờ sự pha trộn khéo léo giữa những sự kiện lịch sử có thật với các tình tiết sáng tạo của người viết truyện.

© Disney Enterprises, Inc.

Saigon Times Group
hợp tác xuất bản với
Nhà Xuất bản Trẻ

Theo hợp đồng li-xăng
của Walt Disney dành cho
Saigon Times Group

https://tieulun.hopto.org